

TÂN VIỆT



100

ĐIỀU NÊN BIẾT VỀ

PHONG TỤC VIỆT NAM



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA - TRƯỜNG ĐẠI HỌC

100 dieu nen biet ve phong tục Viet Nam



TAN VIET

Thông tin sách

Thông tin về tựa sách : Một trăm điều nên biết về phong tục Việt Nam

Tác giả : Tân Việt

Nhà xuất bản : Văn hóa dân tộc

Năm xuất bản : 2001

Tạo epub: Hoàng Nghĩa Hạnh

Ebook miễn phí tại : www.Sachvui.Com

1. Nam nữ thụ thụ bất thân nghĩa là gì ?

Đây là câu nói cửa miệng, quen dùng chỉ mối quan hệ nam nữ theo quan niệm của nhà nho.

Người đàn ông và người đàn bà ngày xưa trao cho nhau cái gì, nhận của nhau cái gì, đều không trực tiếp tận tay, sợ bầm nháy, ra hiệu gì với nhau chẳng ? (Hai chữ “thụ thụ” trái ngược nghĩa: một chữ “thụ” là trao cho, một chữ “thụ” là nhận).

Hai người muốn mời nhau ăn trầu, thì người chủ tằm trầu, xếp vào cối trầu, đặt giữa bàn, khách tự nhặt lấy mà ăn. Lễ giáo phong kiến thật khắt khe, việc tỏ tình yêu trực tiếp khó mà thực hiện được, họa chăng chỉ còn đôi mắt thăm lén nhìn nhau!

Người châu Âu từ nhỏ đến già, theo phép lịch sự bắt tay nhau, nhảy với nhau là chuyện thường. Nhưng, người Việt Nam và người á Đông nói chung, nam nữ vô ý chạm vào da của người khác giới thì coi như có cử chỉ không đứng đắn.

Người đàn ông có thái độ suồng sã sẽ bị đàn bà xa lánh, nhưng không đáng lo bằng người con gái lẳng lơ, bị xã hội dèm pha thì khó mà lấy được tấm chồng cho đáng tấm chồng. Vì vậy các nhà quyền quý thường “cấm cung” con gái. Ngay từ tuổi thơ đã sớm hình thành sự ngăn cách giới tính. Thời phong kiến xưa, chỉ những người có tư tưởng tân tiến mới cho con gái đi học, và có đi học thì con trai ngồi riêng con gái ngồi riêng. Trai gái đi cùng nhau, vui chơi cùng nhau bị bạn bè cùng lứa chế nhạo. Có hội hè đình đám cũng phải phân biệt đàn ông đứng bên trái, đàn bà đứng bên phải.

Ở thành thị, vợ chồng nằm ngủ với nhau một giường là chuyện bình thường, nhưng xin các bạn lưu ý, ở nông thôn đàn bà nằm nhà trong, đàn ông nhà ngoài đã trở thành nếp rồi. Ngày xưa, phổ biến mọi nơi đều thế, ngày nay lệ đó vẫn còn ở nhiều vùng, nhiều nhà. Nếu các bạn có dịp về thăm bà con họ hàng ở quê thì tốt nhất hai vợ chồng nên tránh nằm chung giường kéo các cụ còn cảm thấy chướng mà phật ý.

2. Mỗi lái là gì ?

Trong xã hội phong kiến xưa “Nam nữ thụ thụ bất thân” nên hôn nhân cần phải người môi giới. nếu yêu nhau, cưới hỏi không cần mỗi lái sẽ bị chê trách là “Phải lòng nhau” “Mắc phải bùa yêu”. Nguyễn Du đã vạch đường cho Kim Trọng. Thuý Kiều cứ yêu nhau rồi sẽ “Liệu bài mỗi manh” nên các cụ nhà nho mới kịch liệt phản đối khuyên con cháu rằng:

“Đàn ông thì chó Phan Trần,

Đàn bà thì chó Thuý Vân, Thuý Kiều”

Chu Mạnh Trinh vịnh Kiều còn nói: “Chỉ vì một tội mỗi manh chưa có, thề thốt đã nhiều; trăng gió mắc vào, phồn hoa dính mãi”...Nếu không có “Nhà băng đưa mỗi” thì nhà trai làm sao biết được người thực nữ trong cửa các phòng khuê.

Trong xã hội cũ, có những người chuyên làm nghề mỗi lái, nếu đẹp đôi vừa lứa thì bà mỗi sẽ trở thành ân nhân suốt đời. lễ tơ hồng xong, tạ bà mỗi một nửa mâm xôi, nửa con gà kèm theo chiếc áo lụa. Chấn thảng con đầu lòng thế nào cũng cố mời bà mỗi đến dự, để tỏ nghĩa tri ân. Nhưng cũng có nhiều tai hoạ do những bà mỗi có động cơ bất chính gây nên, để đôi trẻ suốt đời mang mỗi hận vì phạm hãm duyên hieu:

...“Hoặc là bởi “Mẹ thầy lộn quýt”, quên những thói mớ tôm mắng cá, qua lại ít nhiều ngọt miệng, ép uống duyên cô nông nổi thế, nặng tiền tài mà nhẹ gánh tình chung. Hay vì chứng “Mỗi lái đèo bông”, chẳng nhằm khi vào lộng ra khơi, nói phô mật ngọt rót vào tai, dễ dành phạm gái ngấn ngơ tình, già nhân sự để non quyền tạo hoá”...

(Trích “Văn tế sống người con gái” - Một bài văn tế khuyết danh được truyền tụng ở Hà Tĩnh vào đầu TKXX).

Ở xã hội mới cũng cần có bà mỗi, bà mỗi thời nay là người cố vấn, người đỡ đầu cho đôi trẻ xây dựng hạnh phúc lâu dài. trong tương lai, có lẽ vai trò của bà mỗi là những phương tiện thông tin đại chúng (như quảng cáo trên Đài truyền thanh truyền hình, báo chí, chụp ảnh) và những công ty du lịch, câu lạc bộ những người độc thân...

Điều 3 : Lễ vấn danh có nghĩa gì ?

“Lễ vấn danh” là lễ nhà trai đến nhà gái để hỏi tên tuổi cô gái, ngày nay gọi là lễ “Chạm ngõ” hay là lễ “Dạm” (có nơi kiêm cả lễ dạm và hỏi cùng một lúc gọi là lễ dạm hỏi). Truyện Kiều có câu “Tiện đưa canh thiếp trước cầm làm ghi”. “Canh thiếp” là giấy ghi họ tên, tuổi, quê quán, con ai.

Trước Cách mạng Tháng Tám 1945, ở nhiều vùng nông thôn, con gái từ khi sinh đến khi lấy chồng vẫn chưa đặt tên, nếu như gia đình không cho con gái đi học. Con gái không cần vào sổ hộ, sổ làng, không đi học nên cũng không cần đặt tên vội. ở trong nhà con gái mới sinh ra được gọi là con Hầm, con Mực, con Chắt em... Trong nhà gọi tên gì thì xóm giềng gọi theo tên đó. Đến làm lễ vấn danh, ông bác hoặc bố mới đặt cho cái tên để ghi trong giấy hôn thú, có khi chính người mang tên cũng không biết mình mang tên gì trong giấy hôn thú, vì khi về nhà chồng lại gọi theo tên chồng, khi có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu. Lễ vấn danh không phải để hỏi tên mà chủ yếu là hỏi tuổi, để hai họ quyết định đôi nam nữ hợp tuổi nhau thì lấy được nhau, tuổi xung khắc thì thôi.

Trong hôn nhân xưa chỉ chú trọng có môn đăng hộ đối hay không, có hợp tuổi hay không, gia đình nào thận trọng mới tìm hiểu kỹ “Công, dung, ngôn, hạnh” (thường là các gia đình gia giáo). Chẳng những các chàng trai, trước khi cưới chưa biết mặt vợ, mà có những ông bố chồng là người chủ động đi hỏi dâu cũng không biết mặt con dâu, do đó trong gia đình sau này mới xảy ra nhiều chuyện oái oăm:

-“Cảm ơn ông bà thương đến, tôi xin đồng ý gả, nhưng xin thưa chuyện trước: con tôi mồm mép chẳng bằng ai!”

Tưởng như vậy là mình tìm được con dâu hiền hậu, không đánh đá chua ngoa, ai ngờ cưới về mới biết con dâu sứt môi!. Nhưng đã lỡ việc, biết tính sao ?

Lại có trường hợp đánh tráo: Khi đi hỏi thì cho thằng em nhanh nhẹn và “sạch mặt” hơn đóng vai chàng rể, đến khi cưới thì lại cưới cho thằng anh đần độn, xấu xí. “Miếng trầu để dâu nhà người”, biết tính sao đây ? Dâu sao cũng mang tiếng một đời chồng.

Điều 4 : Lấy vợ kén tông, lấy chồng kén giống có đúng không ? Có cần thiết không ?

Đối với các cụ thì câu hỏi này thừa, vì “Nòi nào giống ấy”, “Cây nào quả ấy”, “Giỏ nhà ai quai nhà ấy”, “Con nhà công chẳng giống lông cũng giống cánh”, “Tìm nơi có đức gửi thân”, ai chẳng muốn có trai hiền gái đảm, rể thảo dâu hiền. Thời nay, một số bạn trẻ coi thường cho là phong kiến lạc hậu. Có những đôi trai gái mới chỉ gặp nhau trên một đoạn đường, đã vội đính ước, tính chuyện vuông tròn, thậm chí họ đã biết rõ cả “Ngọn nguồn lạch sông”!!!Đành rằng cũng có trường hợp “Một ngày nên nghĩa, chuyển đồ nên duyên”, song thành công là cá biệt, thất bại là phổ biến.

“Tìm tông, tìm họ” không có nghĩa là tìm chốn sang giàu, khinh người nghèo khó, mà chủ yếu là tìm nơi có gia giáo, có đức độ.

“Cha mẹ hiền lành để đức cho con”, “Đời cha ăn mặn, đời con khát nước”. Con người sinh ra lớn lên do nhiều yếu tố xã hội chi phối, nhưng nam nữ thanh niên mới lớn lên, trường đời chưa từng trải, giáo dục gia đình là yếu tố quan trọng và chủ đạo. Hôn nhân là việc hệ trọng, tác động cả đời, mà con người rất dễ mù quáng trong tình yêu. Qua tuần trăng mật không phải mọi việc trong quan hệ vợ chồng đều suôn sẻ. khi có những việc khó khăn, trục trặc trong cuộc sống, ai cũng muốn tìm điều hay lẽ phải để giải quyết cho thoả đáng. Lúc đó cần dựa vào “Tông”, vào họ hàng, tìm những tình cảm chân thành và tri thức đúng đắn.

“Môn đăng hộ đối”, tức là tìm nơi hai gia đình, hai bên thân thuộc, có những mặt cân đối phù hợp với nhau, chứ đâu phải bắc bậc leo thang, kẻ khinh người trọng.

Ngoài ra còn một yếu tố nữa: Tính đến ghen di truyền.

Ngày xưa trong một vài hoàn cảnh đặc biệt có ông chồng thoả thuận ngầm với vợ đi “Xin nòi”. Xin lưu ý: những người đàn bà đó không thuộc loại lẳng lơ đâu - ta cũng chỉ cần biết nói nhỏ với nhau thôi và nhấn mạnh “Hoàn cảnh đặc biệt”!

Điều 5 : Người trong cùng họ có lấy nhau được không ?

Ở các nước Âu Mỹ, anh chị em con chú bác ruột vẫn có quyền lấy nhau, qua tác phẩm “Ởgiêni Grăngđê” ta thấy mối tình giữa hai anh em con chú bác ruột Grăngđê và Ởgiêni sở dĩ trắc trở là do thói keo kiệt biến lẩn của lão Grăngđê, chứ tác giả không đã động đến vấn đề chung huyết thống.

Trung Quốc là một nước chịu ảnh hưởng của văn hoá phong kiến nặng hơn ta nhiều, nhưng anh chị em con cô, cậu ruột, con dì ruột vẫn được lấy nhau. Xem Bảo Thoa, Bảo Ngọc... trong “Hồng Lâu Mộng” yêu nhau, lấy nhau là chuyện bình thường.

Ở nước ta, dưới triều Trần, con cháu nhà vua chỉ được lấy người trong Hoàng tộc (lấy sang họ khác sợ bị nạn ngoại thích cướp ngôi). Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn lấy Thiên Thành công chúa, tức là cô ruột của mình. Vua Trần Thánh Tông lấy Thiên Cảm Hoàng hậu, tức chị con bác ruột. Vua Trần Minh Tông lấy Lệ Thánh Hoàng hậu, tức con chú ruột, đều là cháu nội vua Trần Nhân Tông vv...

Còn trong dân gian từ triều Lê về sau, nếu trong họ nội thân cùng quê mà lấy nhau gọi là hôn thú, họ hàng không chấp nhận. Nếu cùng họ nhưng đã xa đời, thuộc chi khác nhau hay đã xa quê (gọi là biệt tổ ly tông) thì vẫn lấy nhau được. Thời xưa, do trọng nam khinh nữ, hoặc thiếu hiểu biết về gien di truyền, nên anh chị em con cô, cậu ruột coi như khác họ vẫn có quyền làm thông gia với nhau. Ca dao tục ngữ trong dân gian còn ca ngợi trường hợp cháu cậu mà lấy cháu cô, coi như “Thóc lúa trong bồ, giống má nhà ta”.

Nhưng di truyền học đã khẳng định rằng người có chung huyết thống mà có con với nhau thì qua nhiều đời dòng giống bị thoái hoá, có trường hợp bị quái thai, vì vậy anh em họ lấy nhau, kể cả họ nội hay họ ngoại đều không có lợi.

Luật pháp nước ta qui định cùng chung huyết thống ba đời, kể cả bên bố hay bên mẹ, đều không được lấy nhau.

Điều 6 : Sự tích tơ hồng

“Tơ hồng Nguyệt lão thiên tiên” dựa theo tích Vi Cỗ gặp ông lão trong một đêm trăng, ngồi kiểm sách hướng về phía mặt trăng, sau lưng có cái túi đựng đầy dây đỏ. Ông lão bảo cho biết đây là những vắn thư kết hôn của toàn thiên hạ. Còn những dây đỏ để buộc chân những đôi trai gái sẽ thành vợ thành chồng. Một hôm, Vi Cỗ vào chợ gặp một bà già chột mắt ẩm đưa bé đi qua. Bỗng ông già lại hiện lên cho biết đưa bé kia sẽ là vợ anh. Vi Cỗ giận, bảo đầy tớ tìm giết đưa bé ấy đi.

Người đầy tớ lén đem đưa bé giữa đám đông rồi bỏ trốn. Mười bốn năm sau, quan Thứ Sử Trương Châu là Vương Thái gả con gái cho Vi Cỗ. Người con gái dung nhan tươi đẹp, giữa lông mày có dính một bông hoa vàng. Vi Cỗ gạn hỏi, vợ mới bảo: Thuở còn bé, một bà vú họ Trần bế vào chợ bị một tên cuồng tặc đâm phải. Vi Cỗ hỏi: Có phải bà vú đó chột mắt không ? người vợ bảo: Đúng thế! Vi Cỗ kể lại chuyện trước, hai vợ chồng càng quý trọng nhau cho là duyên trời định sẵn.

Mẫu chuyện vui: Tình yêu làm cho con người lú lẫn.

...“Tâu Thượng đế, theo hạ thần thì thượng đế không cần đòi lại trí khôn của con người. làm như thế không khỏi mang tiếng là trời nhỏ nhen. Điều mà thượng đế nên làm là hạn chế trí khôn của con người.”

-“Bằng cách nào”?

-“Chỉ có tình yêu-Không có gì làm con người lú lẫn đi như trong tình yêu. Trời chỉ cần phái một vị thần mang vòng dây xuống trần, cứ đôi trai gái nào ở gần nhau thì quăng cho một vòng. Người nào càng thông minh thì cần quăng thêm cho nhiều vòng. Con người chỉ lú lẫn trong những vòng ấy mà chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện lên quấy nhiễu nhà trời nữa”.

Trời khen “Thật là diệu kế”!, bèn truyền cho ông tiên già mang những chiếc vòng của trời xuống trần gian.

Từ ngày bị ông tiên già khoác vào người mình những vòng dây tình ái, con người chỉ lú lẫn với nhau, không còn nghĩ tới chuyện đánh nhau với trời nữa. Ông tiên già ấy được gọi là ông “Tơ” .

Điều 7 : Tục thách cưới hay dở ra sao ?

Đã “Thách” là dở hoặc dở nhiều mà hay ít. Thời nay tôn trọng tự do duyên ái hôn nhân, luật hôn nhân trong chế độ mới đã giải phóng cho nam nữ thanh niên, nhưng luật tục còn gò bó, trói buộc. thách cưới cũng là một lệ tục lạc hậu rơi rớt lại, trói buộc cả nhà trai lẫn nhà gái, có khi làm cho chàng rể phải bỏ cuộc mà nỗi thiệt thòi nhất lại rơi vào thân phận người con gái, dầu sao cũng mang tiếng một đời chồng, dầu sao cũng làm cho những chàng trai khác phải ngại, xui nên phận hẩm duyên hiu. Ngay thời trước cũng đã có câu: “Giá thú bất luận tài”. Đáng lẽ nên vợ nên chồng, thành gia thành thất, là mừng cho cả hai gia đình, nhưng gặp phải một vài bà cô, ông bác bên nhà gái khó tính, thách cưới nào quần áo, nón dép, nào rượu bánh cau trầu, che thuốc, nào nếp tẻ, lợn gà, nào nhẫn xuyên, hoa tai, tiền mặt, lại còn tính đủ cổ dâu cổ cưới bao nhiêu mâm, nên nhà trai phải bỏ cuộc. Cũng có đám nhà trai phải chạy ngược chạy xuôi, lo xong việc rồi kéo cày trả nợ; song, ngay từ buổi thành hôn, nghĩa vợ chồng, tình thông gia đã bị sút mẻ, đó là mầm mống gây nhiều bất trắc về sau.

Cũng có trường hợp, nhà gái túng thiếu không đủ tự lực cung cấp cho đủ cái lệ làng “Trả nợ miệng”, đòi hỏi nhà trai phải lo chu toàn. Cũng có trường hợp, bố mẹ cô dâu còn phải xuất ra gấp năm gấp mười lần và sau khi thành thân còn cho con gái, con rể nhiều thứ, nhưng cũng thách cưới cao để tránh tiếng xì xào, đàm tiếu, cho rằng con mình dở duyên rồi, nên phải cho không.

“Hay ít” là để dành cho những gia đình có học thức, không thách tiền, thách của mà thách chữ nghĩa văn chương với ý đồ chọn rể con nhà gia thế, với hy vọng tương lai con mình còn được “Lọng anh đi trước vồng nàng theo sau” chứ không đến nỗi phải rơi vào những anh chàng “Vai u thịt bắp” nơi “Nước mặn đồng chua”.

Điều 8 : Bánh su sê hay bánh phu thê ?

Trong lễ cưới có nhiều lễ vật, nhưng không thể thiếu bánh “Su sê”, nguyên xưa là bánh “Phu thê”, một số địa phương nói chệch thành bánh “Su sê”.

Bánh su sê làm bằng bột đường trắng, dừa, đậu xanh và các thứ hương ngũ vị, nặn hình tròn, bọc bằng hai khuôn hình vuông úp lại với nhau vừa khít, khuôn làm bằng lá dừa, lá cau hoặc lá dứa, vỏ để nguyên không luộc để giữ màu xanh thắm.

Sở dĩ gọi là bánh phu thê (chồng vợ) vì đó là biểu tượng của đôi vợ chồng phận đẹp duyên ư: vuông tròn, trong trắng mềm dẻo, ngọt ngào, thơm tho, xanh thắm, đồng thời cũng là biểu tượng của đất trời (trời tròn, đất vuông) có âm dương ngũ hành: Ruột trắng, nhân vàng, hai vỏ xanh úp lại buộc bằng sợi dây hồng.

Điều 9 : Tiền nạp theo (hay treo) là gì ?

Tiền “cheo” là khoản tiền nhà trai nạp cho làng xã bên nhà gái. Trai gái cùng làng xã lấy nhau cũng phải nạp theo song có giảm bớt. Xuất xứ của lệ “Nạp theo” là tục “Lan nhai” tức là tục chằng dây ở dọc đường hoặc ở cổng làng. Đầu tiên thì người ta tổ chức đón mừng hôn lễ, người ta chúc tụng, có nơi còn đốt pháo mừng. Để đáp lễ, đoàn đưa dâu cũng đưa trầu cau ra mời, đưa quà, đưa tiền biếu tặng. Dần dần có những người làm ăn bất chính, lợi dụng cơ hội cũng chằng dây, vò tiền, sách nhiễu, trở thành tục lệ xấu. Vì thói xấu lan dần, gây nhiều cản trở, triều đình phải ra lệnh bãi bỏ. Thay thế vào đó, cho phép làng xã được thu tiền theo. Khi đã nạp theo cho làng, tức là đám cưới được làng công nhận có giấy biên nhận hẳn hoi. Ngày xưa, chưa có thủ tục đăng ký kết hôn, thì tờ nạp theo coi như tờ hôn thú. Nạp theo so với chằng dây là tiến bộ. Khoản tiền theo này nhiều địa phương dùng vào việc công ích như đào giếng, đắp đường, lát gạch, xây cổng làng... Nhưng nhiều nơi chỉ cung đốn cho lý hương chè chén. Đã hơn nửa thế kỷ, lệ này bị bãi bỏ rồi. Thanh niên ngày nay chỉ còn thấy bóng dáng của tiền theo qua ca dao- tục ngữ.

- Nuôi lợn thì phải vớt bèo

Lấy vợ thì phải nộp theo cho làng.

- Cưới vợ không theo như tiền gieo xuống suối.

- Ông xã đánh trống thành thành

Quan viên mũ áo ra đình ăn theo.

- Lấy chồng anh sẽ giúp cho

Giúp em...

Giúp em quan tám tiền theo

Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.

Thật quá cường điệu, Chứ tiền theo không thể vượt quá tiền cưới.

Điều 10 : Những cách gỡ bí cho bạn trẻ khi lo đám cưới

Đáng lẽ mừng đám cưới như tục lệ trói buộc thành ra lo đám cưới. Tục cũ đã truyền nhiễm lâu không dễ một mai đổi ngay được. Vậy phải làm thế nào?

Để giúp các gia đình cưới dâu, một số gia vùng nông thôn có tục góp lễ cưới: đầu năm gia đình báo cho họ hàng xóm giềng biết dự định cưới dâu vào tháng nào, thông thường vào sau vụ thu hoạch. Lần lượt các gia đình đóng góp các khoản gạo nếp, gạo tẻ, đậu xanh, rượu hoặc tiền theo định lượng. Còn lợn gà thì gia đình nào tự liệu cho gia đình ấy. Tục góp cưới cũng giống như hội tương tế tương trợ, hội cày cấy, hội lợn nhà... luân phiên các gia đình. Đây là một tục hay, cùng nhau lo dần đến lượt mình đỡ phải lo những khoản lớn. Tiền, quà cưới của khách, bạn đưa tới thực chất cũng là hình thức góp lễ cưới, nhưng không chủ động được kế hoạch, thứ có không cần, thứ cần không có, thành ra tốn kém. Lệ chơi họ ngày nay, chung vốn để kinh doanh buôn bán cũng là xuất phát từ hình thức góp tiền nhau để làm nhà cưới vợ, tậu trâu bò ở nông thôn. Vì xuất phát từ họ hàng giúp nhau nên mới gọi là chơi họ. Nếu Đoàn Thanh niên địa phương nào vững mạnh, cán bộ đoàn công tâm liêm khiết tháo vát, tổ chức “Hội chơi họ cưới vợ” có kế hoạch quản lý kinh doanh sử dụng phân phối chặt chẽ, ắt được nhiều bạn thanh niên hưởng ứng, tham gia...Bước đầu cũng đã có một số địa phương tổ chức “Dịch vụ đám cưới” như mua sắm cho thuê quần áo cưới, bát đĩa, ấm chén bàn ghế, phong màn, tổ chức trang trí, chụp ảnh, ca nhạc...vừa kinh doanh gây quỹ, vừa phục vụ thuận tiện, có chế độ ưu đãi với người góp cổ phần,với Đoàn viên.

Điều 11 : Cô dâu trước khi về nhà chồng phải có những thủ tục, động tác gì ?

Khi nhà trai bắt đầu đến đón dâu thì cô dâu cùng với chú rể đến trước bàn thờ gia tiên, khấu đầu làm lễ, tự khấn niệm xin tổ tiên chấp nhận kể từ nay nên vợ nên chồng, phù hộ cho trăm năm duyên ưa phận đẹp, cầm sắt giao hoà. Cũng có thể nhờ gia trưởng khấn hộ cho có bài bản hẳn hoi. Lễ xong, hai người đưa hộp trầu, bao thuốc, đi mời chào thân nhân, khách, bạn khắp một lượt, người nhà sau, những đám cưới có tổ chức thường đã có sự sắp xếp vị trí sẵn. Trong khi chào mời, cô dâu phải giới thiệu cho chàng rể biết mối quan hệ để biết cách xưng hô.

Sau cùng, trước khi bước ra cửa để về nhà chồng là lễ tạ cha mẹ: Cha mẹ ngồi sẵn một phía ở cửa chính, nếu ông bà nội ngoại còn thượng tại có đến dự thì ông bà cũng ngồi chung một phía, nhưng ở ghế cao hơn. Thời xưa cả đôi tân hôn phải lạy hai lạy, ngày nay châm chúc, cúi đầu cung kính “Xin phép ông bà, cha mẹ con về nhà chồng”, “Xin phép ông bà, cha mẹ con xin đón em X về”. Lúc đó, cha mẹ ban phát cho con gái, con rể một vật gì đó làm kỉ niệm, có thể là nột cái bút, một gương soi nhỏ, một cuốn sách hoặc một chiếc khăn, chiếc quạt....Nhà giàu còn cho thêm hoa tai, nhẫn cưới hoặc quan tiền... (Chú ý, những thứ này nhà trai đã đưa đến hôm lễ nạp tài. Trong gói quà của bà mẹ cho con gái có cái châm cài tóc, hoặc bảy chiếc kim đánh tóc hoặc kim khâu gói trong khăn vuông).

Đối với ông bà cũng có những động tác tương tự.

Điều 12 : Lễ xin dâu có ý nghĩa gì ?

Lễ này rất đơn giản: Trước giờ đón dâu, nhà trai cử một hai người, thường là bà bác, bà cô, bà chị của chú rể đưa một cối trầu, một be rượu đến xin dâu, báo trước giờ đoàn đón dâu sẽ đến, để nhà gái sẵn sàng đón tiếp.

Phong tục này có nhiều ý nghĩa hay:

Mặc dù hai gia đình đã quy ước với nhau từ trước về ngày giờ và thành phần đưa đón rồi, nhưng để đề phòng mọi sự bất trắc, mọi tin thất thiệt, nên mới định ra lễ này, biểu hiện sự cẩn trọng trong hôn lễ.

Thời gian này chú rể và cha mẹ chú rể rất bận rộn không thể sang nhà gái, nên nhờ người đại diện sang báo trước như bộ phận “Tiền trạm”.

Để trong trường hợp vạn nhất hoặc do thời tiết, hoặc do trở ngại giao thông, gần qua giờ quy ước mà đoàn đón dâu chưa đến, nhà gái biết để chủ động làm lễ gia tiên hoặc phái người sang nhà trai thăm dò.

Trường hợp hai gia đình cách nhau quá xa hoặc quá gần, hai gia đình có thể thoả thuận với nhau miễn là bớt lễ này, hoặc nhập lễ xin dâu và đón dâu làm một.

Cách nhập lễ xin dâu và đón dâu tiến hành như sau:

Khi đoàn đón dâu đến ngõ nhà gái, đoàn còn chỉnh đốn tư trang, sắp xếp lại ai đi trước, ai đi sau, trong khi đó một cụ già đi đầu họ cùng với một người đội lễ (một mâm quả trong đựng trầu cau, rượu...) vào trước, đặt lên bàn thờ, thắp hương vái rồi trở ra dẫn toàn đoàn vào làm lễ chính thức đón dâu. Lễ này phải tiến hành rất nhanh. Thông thường nhà gái vái chào xong, chủ động xin miễn lễ rồi một vị huynh trưởng cùng ra luôn để đón đoàn nhà trai vào.

Điều 13 : Mẹ chồng làm gì khi con dâu về đến nhà ?

Phong tục ở mỗi địa phương một khác, trái ngược nhau nhưng đều có ý nghĩa hay:

Ngày xưa ở nhiều địa phương Nghệ An, Hà Tĩnh có lệ tục mẹ chồng ra cất nón cho con dâu:

Nhà trai đặt sẵn trước ngõ một cái nôi đồng, một cái gáo, trong nôi đặt sẵn một quan tiền đồng và đựng đầy nước trong. Cô dâu vào đến cổng dùng gáo múc nước rửa mặt mũi, chân tay, mẹ chồng bước ra cất nón cho con dâu. Con dâu, một tay cầm lấy quan tiền, một tay vẫn cầm quạt che mặt.

Mẹ chồng dắt con dâu vào nhà đặt quan tiền và cái quạt lên bàn thờ, cúi đầu lễ gia tiên (bốn lạy ba vái theo tư thế của nữ). Sau đó mẹ chồng dắt cô dâu cầm cả tiền và quạt vào buồng. Trong buồng đã chuẩn bị sẵn trầu nước hoa quả, giường chiếu mới. Đôi chiếu trải úp vào nhau, do một người thân trong họ có tuổi tác, vợ chồng song toàn, con cháu đông, làm ăn nên nổi, được gia đình mời đến trải chiếu; nếu mẹ chồng có đủ tiêu chuẩn trên thì mẹ chồng trực tiếp dọn giường trải chiếu, nhưng bố chồng thì không được. Khi con dâu nghỉ ngơi xong, khăn yếm chỉnh tề mới bưng hộp trầu ra chào họ. Trường hợp mẹ chồng đã mất thì một bà cô hay bà dì thay thế.

Phong tục này có nhiều ý nghĩa:

- Thời xưa, con dâu trước khi về làm dâu, còn hoàn toàn xa lạ, bỡ ngỡ, chưa biết đâu là buồng dâu là bếp, ai là bố mẹ chồng. Trừ trường hợp xóm giềng quen biết nhau từ trước không tính, là thân phận con gái chưa cưới đã về nhà trai thì bị dư luận gièm pha là con nhà hư đốn. Có người chồng lại rụt rè e lệ, có trường hợp trước lễ cưới chưa hề tỏ mặt nhau, vậy nên mẹ chồng niềm nở ra đón dâu, dắt dâu vào nhà là hay, là phải lễ. Mới bước về nhà chồng đã được tổ tiên, ông bà, cha mẹ chồng ban phước lộc, dồi dào như nước quan tiền là biểu tượng vốn liếng của riêng mà mẹ chồng trao cho.

Nhiều địa phương lại có tục khác: Khi con dâu vừa vào đến nhà thì mẹ chồng cầm chiếc bình vôi tạm lánh sang hàng xóm ít phút.

Tục đó cũng có ý nghĩa hay: Tức là mẹ chồng đã xác định vai trò, trách nhiệm con dâu sẽ về làm chủ, mẹ chồng sẵn sàng trao quyền công việc trong nhà trong cửa cho con dâu, nhưng không phải trao toàn quyền đầy hết trách nhiệm mà bà vẫn là người nắm quyền điều hành, vì bình vôi là vật tượng trưng cho bà Chúa trong nhà.

Điều 14 : Tại sao mẹ cô dâu kiêng không đi đưa cô dâu ?

Trong chế độ phong kiến cũ, hôn nhân cưỡng ép, thường là cha mẹ đặt đâu, con ngồi đấy. Thực ra, trong nhiều gia đình, người cha quyết định mọi việc, người mẹ chỉ biết tuân theo. Vì thế đã xảy ra một số trường hợp oái oăm: Ngày con gái vu quy đáng lẽ là ngày vui nhất trong đời nhưng người thì khóc lóc buồn tủi vì bị ép buộc, người thì lo sợ cảnh làm dâu, làm vợ, từ tấm bé chưa rời mẹ, nay tự nhiên mẹ con xa nhau; mẹ thương con còn thơ dại, cũng mũi lòng sụt sùi khóc. Thế là, trong khi hai họ đang vui mừng yến ẩm ở nhà ngoài thì hai mẹ con lủi thủi, cặp nón ra về. Tan tiệc, nhà trai chẳng tìm thấy cô dâu đâu nữa. Qua một vài đám đại loại như vậy người ta rút kinh nghiệm không nên để mẹ cô dâu đi đưa dâu, dần dần bắt chước nhau, trở thành tục lệ.

Một vài địa phương, cả bố cô dâu cũng không đi đưa dâu với lý do con mình đã gả bán cho người. Tuy rằng trong văn sách có ghi “Giá thú bất luận tài” nghĩa là không bàn đến tiền tài trong việc cưới hỏi, nhưng không hiểu vì sao trong ngôn ngữ Việt Nam lại kết hợp “Gả bán” liền nhau.

Thời nay hôn nhân tự do, trai gái tìm hiểu, yêu nhau kết hôn trên cơ sở tình yêu đôi lứa, cha mẹ chỉ tham gia góp ý, hướng dẫn, vậy thì cha mẹ có nên đến dự lễ vui của hai con không? Đã có nhiều đám cưới ngày nay bỏ tục kiêng này.

Điều 15 : Tại sao trong gói quà mẹ cho con gái trước giờ vu quy có một chiếc trâm hay bảy chiếc kim ?

Chúng tôi chưa được biết một tài liệu thành văn nào nói về tục này, có lẽ vì các cụ nhà nho ngày xưa đã cầm bút là phải viết những lời thanh nhã. Tục này chỉ là một thứ bí truyền do người mẹ thủ thi “tâm sự” ngấm với con gái vào buổi trước khi về nhà chồng. Thời trước, cô dâu quấn khăn nhiễu trên đầu, có đính mấy chiếc kim trên khăn là đủ hiểu rồi. Vì không có tài liệu thành văn, vì có những trường hợp mẹ mất sớm hoặc đám cưới xa quê vắng mẹ, nên nhiều bà mẹ thời nay (vốn là cô dâu ngày trước) không biết để truyền tiếp cho con gái. Xuất xứ của tục này là để phòng tai biến “Phạm phòng”. “Phạm phòng” là gì? Nói thô tục là chết ngay trên bụng vợ ngay khi quan hệ vợ chồng. Ca dao tục ngữ có câu “nhất phạm phòng, nhì lòng lợn” có nghĩa là: Được ăn lòng lợn ngon miệng, dầu chết cũng sướng.

Chàng rể qua mấy ngày đêm lo lắng, chạy ngược chạy xuôi, bận rộn, vất vả, đêm tân hôn là đêm xao xuyến, rạo rực nhất, lại thêm mấy chén rượu ngà ngà say, đến một thời điểm cảm xúc quá đà, nếu người có thể chất và tâm thần suy tổn nhiều thì lúc xuất tinh, thần kinh từ trạng thái hưng phấn quá độ chuyển thành ức chế quá độ, dễ bị phạm phòng, nếu người vợ không biết xử lý kịp thời có thể người chồng chết trên bụng vợ. Hầu như không có trường hợp người phụ nữ bị phạm phòng.

Trong lúc giao hợp, cửa buồng đóng kín, thân thể loã lồ, lại thêm tâm lý e thẹn xấu hổ, sợ hãi, nếu người vợ thả người chồng ra, để dương vật thoát ra ngoài, mất sự điều hoà khí âm khí dương thì khó lòng cứu chữa.

Lúc đó, sẵn có cái trâm cài trên đầu hoặc mấy chiếc kim đính ở vành khăn, người đàn bà một tay vẫn ôm riết lấy phía dưới lưng chồng một tay lấy chiếc trâm hoặc kim chích vào phía dưới hố xương chậu, phía trên hậu môn, kích thích đến lúc nào người chồng tỉnh lại. Người con trai nào có lông ở đấy thì giật lông. Nếu chưa tỉnh thì tiếp tục châm kim, lấy mùi xoa trắng hoặc lấy giấy bản chấm thử, hễ thấy có máu chảy là chữa được. Trong phòng đôi tân hôn nên để ngọn đèn con nhằm tạo thêm khoái cảm, mặt khác cũng vì mục đích đó nữa, nhưng vẫn chú ý phải ôm riết chồng trên bụng. Chúng tôi không đi sâu vào lĩnh vực y dược, song có phương thuốc được lưu truyền trong dân gian: Cứt chuột và lá hẹ giã nhỏ, người đàn bà ngậm rồi trúm vào miệng chồng, vì lúc đó người chồng đang nằm sắp rất khó đổ thuốc.

Trường hợp nhẹ, người đàn ông vẫn còn tỉnh nhưng cơ thể liệt nhược sau khi giao hợp, gọi là phòng thất, phải uống thuốc bổ dương một thời gian sau mới hồi phục sức khoẻ.

Còn tại sao lại 7 chiếc kim: Theo quan niệm cổ truyền ” Nam thất nữ cửu” (đàn ông 7 vía, đàn bà 9 vía). Vì để phòng xa , dùng cho con rể nên bà mẹ vợ chỉ đưa 7 chiếc kim - chứ không phải dùng cho con gái vì con gái không bị phạm phòng.

Trong hàng vạn trường hợp mới có một trường hợp là phạm phòng, nhưng các bạn trẻ cũng nên biết trước để khi ngộ sự biết chủ động xử lý. Điều cần thiết là phải cùng nhau hiểu biết, thông cảm mà phòng ngừa, nhất là trong tuần trăng mật hoặc vợ chồng cách xa nhau lâu ngày về gặp nhau. Các bạn gái vì e thẹn xấu hổ nhất thời mà mang lại mối ân hận

suốt đời.

Giới thiệu thêm phương thuật chữa tai biến phạm phòng:

Khi nam nữ giao hợp với nhau, khoái cảm lên đến cực độ, tinh khí xuất quá nhiều, có thể chết (chết trên bụng vợ). Khi xảy ra như thế, nhất thiết không được đẩy rời nhau ra (dù là xấu hổ cũng phải để nguyên như tư thế đang giao hợp). Nếu đàn ông xuất tinh quá nhiều bị thoát, thì người đàn bà phải chúm miệng thổi hơi nóng của mình vào miệng chồng, nếu đàn bà bị thoát hết khí, thì đàn ông cũng làm như vậy, để tổng hơi nóng của mình vào miệng vợ. Tổng hơi nóng như vậy mấy chục lần, dương khí sẽ dần trở lại. Trong khoảnh khắc cấp bách giành giật giữa cái sống và cái chết như vậy, để bảo vệ điều hoà hai khí âm dương, chẳng những không được hoảng hốt rời khỏi giường, mà không để cho dương vật thoát ra khỏi âm hộ, nên phải ôm chặt lấy phần nửa mình phía dưới. Người đã ngất lịm rồi không biết gì nữa, hoàn toàn phải do người sống chủ động ôm riết lấy, để cho khí không tuyệt hẳn, phải tổng khí liên tục cho đến khi sinh khí của người kia tỉnh lại mới thôi. Cách tổng khí: Phải chúm miệng lại, đưa được khí từ hạ đan điền(1) lên, truyền qua miệng tổng khí vào đến yết hầu người kia theo nhịp thở. Cách này cả trai và gái đều nên biết. Sau khi dương khí đã hồi phục phải dùng bài “Nhân sâm phụ tử thang”(2). Nếu nhà nghèo không có nhân sâm, thì cấp tốc dùng 4 lạng hoàng kỳ, 2 lạng đương quy, 5 đồng cân phụ tử, sắc uống cũng có thể cứu sống được. Trường hợp người đàn ông xuất tinh quá nhiều khí hết, mà đã nhờ đẩy ra rồi, thì phải cấp tốc vực ngồi dậy ôm choàng lấy mà tổng khí vào miệng, nếu khí qua miệng khó vào thì dùng ống thông hơi hai đầu đút vào miệng mà thổi, miễn sao hơi vào được qua cuống họng. Có thể mượn người đàn bà, con gái mạnh khoẻ khác hà hơi, không nhất thiết phải là người vợ hoặc người đàn bà vừa giao hợp. Đó là cách lấy người để chữa người, khả năng sắp chết vẫn cứu sống được.

(1) Hạ đan điền: vùng bụng dưới rốn.

(2) Nhân sâm phụ tử thang: Phụ tử: 1 đồng cân. Phục linh: 7,5 phân. Nhân sâm: 1 đồng cân. Bạch truật: 1 đồng cân. Bạch thược: 1,5 đồng cân

Điều 16 : Tại sao phải có phù dâu ?

Tục lệ xưa cần có phù dâu vì hôn nhân cưỡng ép, do cha mẹ định đoạt, nhiều nơi lại có nạn tảo hôn, thông thường thì “Nữ thập tam nam thập lục”, con gái mười ba tuổi về nhà chồng đã biết gì đâu! do đó cô dâu phải có người dẫn dắt. Người dắt cô dâu gọi là phù dâu.

Ngày xưa phù dâu phải là người cô, người dì hay chị em thân thiết của cô dâu, có khả năng thuyết phục, bày vẽ cho cô dâu, được cô dâu kính nể, mến phục, được bố mẹ cô dâu ủy thác. Người phù dâu phải là người may mắn, tốt phúc, duyên ưa, phận đẹp, con gái lành mạnh ngoan ngoãn, gia đình êm ấm, đề huề có thể truyền kinh nghiệm làm dâu, làm mẹ, làm vợ cho em, cho cháu mình.

Phù dâu nhiều khi còn phải ở lại năm bảy ngày sau để cho cô dâu đỡ buồn và để chỉ bảo kinh nghiệm. Thông thường phù dâu cũng trở lại với dâu rể trong lễ lại mặt.

Đám cưới ngày xưa phải có phù dâu, không định lệ, và cũng không có danh từ “Phù rể”. Đám cưới ngày nay, nhiều nơi có cả phù dâu, phù rể, có đám mời đến năm sáu đôi phù dâu phù rể toàn là trai thanh, gái lịch, chưa vợ chưa chồng. Có lẽ chủ yếu để cô dâu thêm bạn, chú rể thêm bầu.

Hay phải chăng ngày nay chàng rể bên lén e thẹn hơn xưa, nên phải có người dẫn dắt. Hay đám cưới trước thường sinh ra nhiều đám cưới sau nên phải chăm lo đào tạo những cô dâu, chú rể tương lai.

Điều 17 : Lễ lại mặt có ý nghĩa gì ?

Lễ thành hôn, tơ hồng, hợp cẩn xong xuôi, hai vợ chồng tân hôn trở về nhà gái mang theo lễ vật để tạ gia tiên ông bà cha mẹ, đi chào họ hàng thân nhân bên nhà gái sau đó đón bố mẹ và vài thân nhân sang nhà chú rể. Kể từ buổi đó, mẹ cô dâu mới chính thức tới nhà chú rể và nhà thông gia, vì trong lễ cưới, mẹ cô dâu (có nơi cả bố) không đi đưa dâu. Lễ lại mặt thường tiến hành vào ngày thứ hai hoặc thứ tư sau ngày cưới (gọi là nhị hỷ hoặc tứ hỷ) tùy theo khoảng cách xa gần và hoàn cảnh cụ thể mà định ngày. Thành phần chủ khách rất hẹp, chỉ gói gọn trong phạm vi gia đình.

Phỏng theo tục cổ Trung Quốc: nếu trong lễ lại mặt, có cái thủ lợn cắt lỗ tai tức là ngầm báo với nhà gái rằng nhà trai trả lại, vì con gái ông bà đã mất trinh (Đêm tân hôn có lót giấy bản, gọi là giấy thám trinh, để xem người con gái còn trinh tiết hay không. Nếu còn trinh thì trên giấy bản sẽ có mấy giọt máu. Mã Giám Sinh sau khi cưỡng ép phá trinh nàng Kiều xong dùng “Nước vò Lựu”, “Máu mào gà” hòng lường gạt làng chơi tưởng nhầm là Kiều vẫn còn trinh).

Trường hợp hai nhà xa xôi cách trở, ông già bà lão thì nên miễn cho nhau, cô dâu chú rể nếu bận ông tác cũng nên được miễn thứ. Nếu điều kiện cho phép thì nên duy trì, vì lễ này mang nhiều ý nghĩa tốt đẹp:

- Nhắc nhở con đạo hiếu, biết tạ ơn sinh thành, coi bố mẹ vợ cũng như bố mẹ mình.
- Thắt chặt và mở rộng mối quan hệ thông gia, họ hàng ngay từ buổi đầu, tình cảm được nhân đôi.
- Hai gia đình cùng trao đổi rút kinh nghiệm về việc tổ chức hôn lễ và bàn bạc về trách nhiệm của hai bên bố mẹ trong việc tác thành cuộc sống cho đôi trẻ trong tương lai.

Điều 18 : Trả lời câu hỏi không rõ câu hỏi

Tại sao kỳ quặc thế ? Vì các bạn trẻ muốn hỏi nhưng ngại không đặt thành câu hỏi, hoặc không biết để mà hỏi vì những vấn đề này thời trước chỉ do người mẹ thầm với con gái, người đàn ông chỉ thầm hiểu mà không bao giờ nói tới. Đó là những bí mật trong phòng giữa đôi trai gái. Chúng tôi cũng chỉ xin nói thầm với các bạn trẻ, xin chớ hiểu lầm là chuyện khiêu dâm, thiết nghĩ vì hạnh phúc đôi lứa, vì tương lai nòi giống, trước khi thành hôn cần có những kiến thức sơ đẳng:

Tuổi dậy thì từ lứa tuổi nào ? Có những biểu hiện gì về tâm sinh lý ? ” Nữ thập tam nam thập lục”. Theo đánh giá của các cụ ngày xưa, gái mười ba trai mười sáu đúng tuổi dậy thì. Trong tuổi phát dục đó, cơ thể lớn nhanh như thổi, chỉ đầu năm đến cuối năm đã biến đổi rất nhiều: má hồng, ngực nở, hông phát triển, nhú âm mao, nam mọc ria mép, một số thì mặt nổi trứng cá, nữ đã hành kinh, có tâm lý e thẹn khi tiếp xúc với người khác giới, ánh mắt tế nhị kín đáo, kể cả tiếp xúc với người thân trong gia đình nhưng khác giới đã bắt đầu có sự ngăn cách. Cả nam và nữ ở tuổi này đã ham làm dáng. Có trường hợp tuổi dậy thì đến sớm hơn hoặc muộn hơn vài năm.

Thời xưa, tảo hôn, có cô gái mười ba tuổi đã bắt đầu sinh nở. Nên chú ý, mặc dù con gái đã có dục tính nhưng giao hợp sớm cơ thể sẽ suy nhược nhanh chóng dẫn tới hậu quả làm cho nòi giống bị suy thoái.

Trai gái giao hợp là thuận theo quy luật điều hoà âm dương nhưng chỉ nên khi nào cả hai bên đều có khoái cảm mạnh. Người đàn bà thường khoái cảm chậm hơn đàn ông, các bạn trai nên chú ý kiên trì chờ đợi, kích dục nhẹ nhàng, đừng để xảy ra tâm lý lo sợ. Một đặc điểm nữa là khoái cảm đàn bà đến chậm hơn nhưng lâu hơn vậy nên có trường hợp người đàn bà chán nản vì người đàn ông không đáp ứng được yêu cầu sinh lý, có khi dẫn tới ngoại tình hoặc ly hôn.

Vì hạnh phúc lâu dài, nhiều khi người đàn ông biết tự kiềm chế. Ví dụ trường hợp vợ chồng xa vắng lâu ngày gặp nhau, gặp phải thời kỳ hành kinh của vợ, có khi người vợ nể chồng phải chiều theo ý chồng nhưng rất có hại đến vệ sinh phụ nữ. Trong trường hợp mới sinh nở cũng vậy.

Người đàn bà có thai gần tới kỳ sinh nở thì chẳng những đàn ông mà đàn bà cũng vậy, phải tự kiềm chế dục cảm, tốt nhất là nên tạm thời dừng lại để bảo vệ cho sản phụ và thai nhi:

Nam nữ thanh niên chưa lấy vợ lấy chồng, hoặc tình duyên không mãn nguyện thường có thói thủ dâm để đạt khoái cảm nhất thời nhưng rất hại cho sức khoẻ lâu dài về sau. Nên biết trước để tránh hậu quả không hay, nhất là đối với nam giới.

Trước lúc động phòng, cả nam và nữ đều phải sạch sẽ, tâm hồn thư thái, kiêng kỵ lúc mới lao động nặng nhọc hoặc mới đi xa về chưa kịp nghỉ ngơi.

Coi việc hiểu biết về những kiến thức vệ sinh giao hợp là cần thiết, vợ, chồng nên nhỏ nhẹ tâm tình, chớ coi đó là chuyện dâm ô.

Điều 19 : Khi người đàn bà tái giá có những thủ tục gì ?

Đàn ông lấy vợ gọi là thú, đàn bà lấy chồng gọi là giá. Có nhiều trường hợp đàn bà phải tái giá: Một là duyên không ưa, phận không đẹp phải ly hôn; hai là nửa đường đứt gánh, goá bụa khi tuổi còn xoan...

Ở đây chúng tôi không nói đến sự khác biệt giữa luật hôn nhân thời xưa và thời nay, và những quy định bất công về phụ nữ thời phong kiến mà chỉ nói về phong tục, trong đó một số phong tục còn duy trì tới nay:

-Cha mẹ chỉ gả bán một lần, lần sau không tham gia cưới hỏi.

-Đàn bà goá, tục gọi là “Nạ dòng” ít có trường hợp lấy được trai tân, phần lớn làm vợ kế hay vợ lẽ, nói chung là chấp nối tơ duyên, “Rồ rá cạp lại”, nên lễ cưới hỏi chỉ bó hẹp trong phạm vi thân nhân gia đình và vài bà con xóm giềng.

Điều 20 : Tại sao gái « nạ dòng » không lấy được « trai tơ » ?

Không phải tác giả đặt câu hỏi để giải đáp, mà chính tác giả thắc mắc mong được giải đáp vì sao có sự bất công đó?

Ngày xưa những người đàn bà goá chồng hay bị chồng bỏ thì chỉ còn cách lấy lẽ hay lấy kế, mặc dầu còn trẻ, còn xoan cũng ít ai lấy được trai tân (trai tơ). Những ai là trai chưa vợ mà kết duyên với gái đã có một đời chồng, dù ít tuổi hơn mình, cũng bị làng trên xã dưới cười chê. Ngược lại có những đức lang quân đã ngoại tứ tuần, đã hai ba đời vợ vẫn lấy được con gái tơ chỉ bằng tuổi con mình. Như vậy mà thiên hạ vẫn khen là đẹp đôi vừa lứa.

Những người đàn bà duyên phận hẩm hiu, quá lứa lỡ thì, ngày xưa chỉ làm vợ lẽ nàng hầu, thời nay rất khó lấy chồng. Luật hôn nhân phong kiến có nhiều điều bất công đối với phụ nữ, luật hôn nhân sau Cách mạng đã thực hiện đúng nam nữ bình quyền, nhưng tập tục dư luận xã hội vẫn còn bất công đối với nữ. Vậy muốn thực sự giải phóng phụ nữ, phụ nữ phải tự đấu tranh đòi giải thoát khỏi những mặc cảm vô lý nói trên. Xin kiến nghị các cấp lãnh đạo, trước hết là cán bộ đoàn thể phụ nữ hướng dẫn dư luận xoá bỏ dần những mặc cảm bất công nói trên.

Điều 21 : Quan hệ vợ cả, vợ lẽ ra sao ?

Ngoại trừ chế độ mẫu hệ, còn như trong chế độ phụ hệ người đàn bà chẳng mấy khi có chồng cả, chồng lẽ; ngược lại đàn ông năm thì bảy thiếp là chuyện thường, càng quyền quý cao sang càng lắm vợ: Minh Mạng có 142 con, “Nhất dạ ngũ giao, tam hữu dưng” (trong một đêm ngủ với năm bà thì ba bà có thai) còn bao nhiêu vợ thì không thể thống kê được. Nguyễn Công Trứ 73 tuổi, lấy vợ lẽ thứ 10, đêm tân hôn cảm tác:

“Tân nhân dục vấn: Lang niên kỷ? - Ngũ thập niên tiền nhị thập tam”

(Dịch nghĩa: Nàng muốn hỏi anh: chàng mấy tuổi - Năm mươi năm trước mới hăm ba)

Đạo Thiên chúa chỉ cho phép con chiên một vợ một chồng.

Thông thường vợ cả lấy trước, vợ lẽ lấy sau. Nhưng có trường hợp người con trai làm

ăn xa nhà, tự ý lấy vợ, chưa được cha mẹ và họ hàng chấp nhận, ở quê nhà cha mẹ đã dạm hỏi sẵn cho một cô vợ khác bắt về cưới. Người vợ do cha mẹ cưới hỏi, dẫu rằng lấy sau vẫn là vợ cả. Người vợ tự ý chọn, nếu sau này được cha mẹ chấp thuận, mặc dù con gái con trai đều đã lớn, vẫn phải chịu phận làm em. Con vợ bé dẫu nhiều tuổi hơn vẫn phải chào đưa con bà cả đang ăn ngửa bằng anh bằng chị. Trường hợp vợ cả chết sớm, không có con trai thì con trai vợ kế đẻ sau vẫn là trưởng nam, là đích tôn thừa trọng chứ con trai vợ lẽ vì phận thiếp không môn đăng hộ đối, không phải do ông bà trực tiếp cưới hỏi nên không đủ quyền kế vị.

Muốn cho gia đình êm thấm, người chồng phải khéo đối xử để vợ cả đi hỏi vợ lẽ cho chồng, thì người vợ lẽ và bố mẹ cô ta mới yên tâm.

Điều 22 : Nên nhìn nhận vấn đề ly hôn như thế nào ?

Nhiều cụ cao tuổi thường phản nản: Thời này bọn trẻ yêu nhau quá dễ dàng nên bỏ nhau cũng dễ. Ngược lại lớp trẻ lại cho rằng: Ngày xưa các cụ chẳng biết yêu đương là gì, lấy vợ lấy chồng thì sinh con đẻ cháu, chứ mấy ai được hưởng hạnh phúc. Họ không bỏ nhau chẳng qua do lễ giáo và phong tục xã hội trói buộc. Trai làm nên năm thê, bảy thiếp, gái chính chuyên chức tiết một chồng. Chỉ có người đàn bà phải cam chịu thiệt thòi bị giam lỏng chứ đàn ông không ưng vợ này thì lấy thêm vợ khác, chẳng cần phải ly hôn với vợ cũ.

Tất nhiên trong chế độ cũ cũng như mới, không ai khuyến khích việc ly hôn. Có những trường hợp quan hệ vợ chồng gặp nhiều trắc trở, nhưng vì nghĩ đến tương lai của con cháu hoặc vì nguyên do này, lý do nọ, họ đành chấp nhận nỗi thiệt thòi chung sống vì phận sự, mà thiếu tình yêu. Không phải mọi trường hợp ly hôn đều đáng chê trách. Ngược lại có những vụ án xử ly hôn được coi như trận thắng giải phóng cho cả hai bên. Ly hôn lại trở thành cơ sở tái tạo hạnh phúc. Vậy ta không nên có thái độ nhìn nhận quá khắt khe đối với mọi trường hợp ly hôn.

Tuy nhiên, ngày xưa các cụ thường có một câu “Một ngày là nghĩa”, thời nay quan hệ xã hội mới càng thêm tươi đẹp, vậy nên đôi vợ chồng sau khi chia tay chớ nên coi nhau như thù địch, cho dù duyên không ưa, phận không đẹp, và nên coi nhau như bạn bè. Bạn bè có thân mà có sợ, vậy nên hãy nhìn những ai sau này là đối tượng của người vợ hay người chồng đã ly hôn chớ có ghen bóng ghen gió.

Còn con cái, do tình trạng ly hôn, tái thú, tái giá, nên trong một gia đình có cả con anh, con tôi, con chúng ta. Chúng nó đối xử với nhau hoà thuận là hiếm, mâu thuẫn với nhau là phổ biến. Điều đó đòi hỏi người làm cha làm mẹ, làm dì ghẻ, bố dượng phải thu xếp sao cho công minh, êm thấm mọi bề.

Điều 23 : Dạy con từ thừa bào thai

Tục ngữ Việt Nam có câu: “Dạy con từ thừa còn thơ - Dạy vợ từ thừa bơ vợ mới về”.

ở đây chúng tôi muốn nêu: Không những dạy con từ thừa còn thơ mà phải dạy con ngay từ khi còn nằm trong bụng mẹ. Bởi vì cuộc sống vật chất lẫn tinh thần của người phụ nữ mang thai ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và tinh thần của đứa trẻ sau này.

Người xưa thường nói: “Đàn bà hiền dịu, thì dễ có con. Thai sản là lẽ tự nhiên của trời, đất. Người không bệnh thì không cần phải uống thuốc”.

Theo y học cổ truyền “...Tâm khí kinh sợ thì con bị điên, thận khí không đủ thì con hờ thóp, tì khí không hoà thì con gầy còm, tâm khí hư kém thì con nhút nhát. Con là theo khí mẹ, mẹ không cẩn thận sao được! Mẹ chớ uống nhiều thứ thuốc, uống nhiều rượu, chớ châm cứu xằng xiên, chớ đi đại, tiểu tiện vào chỗ không thường đi, chớ trèo cao xông pha hiểm trở, chớ gánh vác nặng nhọc, chớ giao cấu phóng túng, chớ nằm ngủ nhiều, chớ mặc áo quần quá ấm, chớ ăn cơm quá no. Tinh thần phải chấn tĩnh, không phạm đến thất tình (mừng quá, giận quá, đau thương quá, ghen ghét quá, yêu quá, ham muốn quá v.v...). Muốn con sau này sinh ra thẳng thắn nghiêm trang thì người mẹ nên miệng nói lời ngay thẳng, làm việc ngay thẳng. Đàn bà rấp tâm làm việc ác thì không sinh đẻ được, người ta cứ tưởng là tại trời ghét bỏ, biết đâu rằng: Đó chính là do tự mình gây ra. Vì khí ở gan ruột bị uất kết, ba bộ mạch: tâm, tì, thận đều bị uất nên khó sinh...” (Theo “Phụ đạo sản nhân” của Hải Thượng Lãn Ông).

Vì lẽ đó dân gian có câu: “Cây khô không có lộc, người độc không có con”.

Cần phải giáo dục con từ trong bụng mẹ mà thuật ngữ khoa học gọi là “Thai giáo”. Ngày xưa các bậc tiền bối đã răn dạy người mẹ tương lai (sản phụ) không được giận dữ, hoảng hốt, không được nghĩ điều xấu, làm việc xấu, nghe chuyện dở, nhìn cảnh tang thương, cần nói năng, đi đứng khoan thai...

Có mối liên hệ khăng khít giữa thai nhi với sức khỏe và tâm trạng người mẹ, giữa thai nhi với thế giới bên ngoài, có những phản ứng “Tiếp nhận” hoặc “Chối bỏ” của thai nhi trước các tác động của ngoại cảnh.

Theo tài liệu nghiên cứu khoa học: Nhân cách con người được hình thành rất sớm, ngay từ trước khi ra đời. ý nghĩ, cảm xúc và những nỗi buồn vui của người mẹ truyền vào đứa con. Nhiều phụ nữ có thai đã biết giữ gìn tình cảm cân bằng do đó giữ được sức khỏe cho đứa con. Những nỗi đau của người mẹ phải chịu đựng trong thời gian thai nghén ảnh hưởng mạnh tới đứa trẻ sơ sinh. Lòng thiết tha đối với đứa trẻ chưa ra đời là một biện pháp giữ gìn sức khỏe cho đứa trẻ tốt nhất, và có ảnh hưởng quyết định tới quan hệ mẹ con sau này”...

Điều 24 : Tại sao có tục xin quần áo cũ cho trẻ sơ sinh ?

Cách trả lời đơn giản nhất là xin để lấy “khước” (lấy may). Người mẹ từ khi mới thụ thai đã chú ý xem trong bà con, họ hàng, làng xóm nhà ai có con cái bú bầm, hay ăn chóng lớn, ít khóc ít quấy, ao ước sắp tới con mình đẻ ra cũng được như thế thì xin một cái áo, hay cái quần, cái tã cũ của đứa bé về sửa sang lại để dùng cho con mình.

Xuất xứ là do một vài người làm, rồi bắt trước nhau, dần dần là truyền ra thành phong tục. Nguyên ngày xưa, ta chưa có những thứ vải mỏng mịn bán rộng rãi trong dân gian, thị trường toàn những vải thô bố lại nhuộm nâu, thô cứng, trẻ sơ sinh da còn non mềm dễ bị xây xát, hài nhi càng mặc đồ mới càng đau yếu. Nhà nghèo không sẵn tiền mua đã đành, nhà giàu cũng xin áo cũ cho trẻ sơ sinh là vì lẽ ấy. Trẻ thì chóng lớn, quần áo thì lâu mới rách, chỉ vài tháng sau đã quá cỡ, người ta không nỡ phá đi dùng vào việc khác nên cất giữ lại, dành cho em út. Vì vậy, người cho áo cũng cảm thấy vinh dự được người khác quý mến con mình và coi đứa bé sắp ra đời cũng có phần hơi hưởng của mình.

Điều 25 : « Con so về nhà mẹ , con dạ về nhà chồng“ tại sao ?

Con so là con sinh đầu lòng, con rạ là những đứa con sinh sau. Nếu nuôi được cả thì con so là trưởng, con rạ là thứ. Phong tục này phổ biến ở Bình Trị Thiên và một số địa phương ngoài Bắc, còn ở Nghệ An, Hà Tĩnh thì trừ trường hợp ở rể, nói chung con gái không được sinh để ở nhà cha mẹ mình.

Con gái mới lớn lên, mới sinh lần đầu tiên, trẻ người non dạ, chưa biết đi đứng, ăn uống, tắm giặt, kiêng khem ra sao, hơn nữa trong người yếu khoẻ ra sao muốn nhờ vả mẹ chồng hoặc chị em nhà chồng cũng ngần ngại, khó nói hơn với mẹ đẻ và em út mình. Còn những lần sinh sau đã có kinh nghiệm, có thể tự mình giải quyết được nhiều việc.

Phong tục, “Con so về nhà mẹ” là một phong tục hay nhưng muốn giải quyết được êm đẹp cũng phải có thu xếp: Gần ngày ở cữ, mẹ chồng hoặc chàng rể sang quê ngoại thưa chuyện trước, nếu có khó khăn về kinh tế hoặc đường xá xa xôi cách trở cũng cần thảo luận với nhau về trách nhiệm cho thoả đáng, sau khi mẹ tròn con vuông, cháu cứng cáp, chàng rể cũng cần sắm một số lễ vật, nhằm ngày tốt sang tạ ơn gia tiên bên ngoại và ông bà ngoại để xin đón vợ con về. Ông bà ngoại còn cẩn thận đánh dấu vôi hoặc nhọ nồi ở trán cho cháu và các thứ bùa phép khác để các thứ tà ma ác quỷ không dám đến quấy rối cháu dọc đường.

ở Nghệ Tĩnh lại có phong tục ngược lại: Cho là sinh dữ tử lành, ngoài con dâu ra, không ai được quyền sinh trong nhà. Con gái về nhà mẹ, nếu nhớ đến kỳ động thai, trở dạ, không kịp trở về nhà chồng, sợ sinh nở dọc đường thì bố mẹ phải dựng tạm chiếc lều ở góc vườn, hoặc nếu không kịp, thì ra chuồng trâu mà đẻ.

Thiết nghĩ không cần phân tích, bạn đọc cũng thấy được phong tục nào hợp tình lý hơn.

Trường hợp đã mồ côi mẹ, về nhà mẹ thiếu người chăm nom thì con so cũng về nhà chồng.

Điều 26 : Tại sao mới đẻ chưa đặt tên chính ?

Theo phong tục, một người từ sinh ra để khi chết mang rất nhiều tên gọi: Mới lọt lòng thì thằng Cu, thằng Cò, con Hĩm, thằng Mực, con Cún, thằng Chắt em, con Chắt ả... thường là đặt tên xấu cho dễ nuôi, đến khi lớn lên thì anh Hai, anh Ba, chị Bảy... lấy vợ lấy chồng thì anh Nhiêu, anh Đồ, chị Xả... Có con gọi theo tên con, có cháu đích tôn gọi theo tên cháu, đến khi chết thì đặt tên hèm gọi là hiệu để cúng, người có học thì tự đặt tên tự, người có chức tước thì đặt tên thụy, người có chức tước học vị cao sang thường được xưng tôn theo họ, hay tên địa phương: Cụ án Mai, Cụ Tam Nguyên Yên Đỗ, ông Trạng Trình, ông Tú Vĩ Xuyên, Quan Thám Nam Sơn... Đó là theo phong tục xưng hô của Trung Quốc. Trong nhiều tên gọi nhưng chỉ có tên huý là chính: Tên huý là tên đặt khi vào sổ họ, khi vào làng ghi trong sổ họ, khi đi học đặt khi vào sổ họ, khi vào làng ghi trong sổ họ, khi đi học.

Tại sao mới đẻ chưa đặt tên chính (tên huý) ?

Ngày nay đẻ ra la khai sinh, có thủ tục quản lý hộ tịch chặt chẽ. Ngày trước mỗi làng xã cúng có hương họ lo sổ sách sinh tử, giá thú nhưng không quản lý chặt chẽ, Nhà nước chỉ quan tâm đến sổ đinh (từ 18 tuổi), sổ điền để thu thuế và bắt lính, bắt phu, vì vậy vào sổ làng càng muộn càng hay, lớn lên đỡ được vài năm thuế thân, phu phen tạp dịch.

Trong xã hội cũ, tình trạng hữu sinh vô dưỡng khá phổ biến, ít có gia đình sinh năm đẻ bảy được vuông tròn, vì vậy qua các tuần cử mới tạm yên tâm, khi đó mới đặt tên huý.

Các họ mỗi năm tế tổ một lần. Trong dịp tế tổ, các gia đình có con cháu mới sinh sắm sửa cơm trầu, chai rượu, hương hoa, lễ vật đến nhà thờ họ yết cáo tiên tổ và vào sổ họ cho các con trai trước lễ yết cáo, ngày đó mới có tên huý chính thức, được họ hàng công nhận. Trong khi vào sổ họ phải đối chiếu gia phả để xem có trùng tên các vị tiên tổ hoặc ông bà chú bác trong nội thân hay không. Nếu có tức là phạm huý thì phải đổi tên. Không những phải tránh phạm huý tổ tiên bên nội mà còn phải tránh phạm huý can cụ ông bà ngoại mặc dầu khác họ, tránh phạm huý hiệu của thành hoàng, thánh mẫu, linh thần từng địa phương. ở nông thôn, các vị có uy vọng trong làng, trong họ thường được dân chúng biếu trầu rượu và nhờ đặt tên cho con. Người đặt tên được gia đình đó nhớ ơn suốt đời.

Điều 27 : Tại sao tuổi trong khai sinh không đúng với tuổi thực ?

Điều này cũng gây khá nhiều rắc rối, phức tạp cho các nhà khảo cứu sử học, biên soạn gia phả. Đã có trường hợp anh em cùng cha cùng mẹ sinh ra mà em nhiều tuổi hơn anh. Chỉ có lá số tử vi là chính xác nhất, chính xác đến từng giờ, nhưng ít người còn giữ được lá số tử vi, phần lớn ông bố bà mẹ chỉ nhớ được con mình cầm tinh con gì, qua đó mà tính ra tuổi thực (tuổi mụ).

Như trên đã nói, có ba lý do khai bớt tuổi:

- Để chậm được vài năm khỏi phải đóng thuế thân và đi phu, đi lính.
- Dưới thời Pháp thuộc, để tránh hạn định quá tuổi không được đi học, không được thi.
- Do việc vào sổ hộ chậm gần một năm còn việc vào sổ làng, hàng phe, hàng giáp, có khi chậm đến năm sáu năm.

Trường hợp nâng tuổi lên cũng có ba lý do nhưng không phổ biến lắm:

- Để nhanh đến tuổi lấy vợ (theo lệ “nữ thập tam, nam thập lục”). Nhiều gia đình muốn cưới con dâu về sớm để có kẻ ăn người làm và để sớm có cháu nối dõi tông đường.
- Dưới thời Pháp thuộc, các công sở không tuyển người dưới 18 tuổi nên phải khai tăng tuổi.
- Một số địa phương, có lệ làng cho tăng thêm tuổi để chóng đến tuổi lên lão mừng thọ.

Mẫu chuyện vui: Sêcuture với Hồ Chí Minh:

Sêcuturê, Tổng thống Ghi Nê sang thăm Việt Nam theo lời mời với tư cách là khách của Hồ Chủ Tịch. Trong buổi mít tinh tiễn đưa tại Quảng trường Ba Đình Hà Nội, Sêcuturê hết lời ca ngợi và khâm phục Hồ Chủ Tịch

Ông phát biểu đại ý: Vợ tôi sắp sinh, nếu sinh con trai, tôi sẽ đặt tên con là Hồ Chí Minh.

Tôi được dự buổi lễ đó, thầm nghĩ: Ông này quả thật rất chân thành và rất cảm phục Hồ Chí Minh nhưng ông ta chưa hiểu câu “nhập gia văn huy” của phong tục nước ta, câu đó có gì khác chửi người ta.

Liền đó Hồ Chủ Tịch trả lời lại rất khôn khéo, tài tình “Bác không có vợ nên không có con, vậy Bác đề nghị các cháu thanh niên, nếu sắp tới, cháu nào có con trai thì đặt tên cháu là Sêcuturê!”

Mọi người dự lễ đều vui cười thoải mái, phục t i   i    p của B c, vừa    c l  ng kh  ch n  c ngo  i, vừa ph   h  p v  i phong t  c n  c ta trong ho  n c  nh    .

Điều 28 : Làm lễ yết cáo tổ tiên, xin đặt tên cho con vào sổ họ như thế nào ?

Vấn đề này đã có lệ từ xưa, chẳng có gì mới mẻ. “Họ nào đã có nề nếp sẵn thì cứ theo lệ cũ tiến hành”.

Đối với những họ mới phục hồi lại việc họ, chưa vào nề nếp, chúng tôi xin mách một vài kinh nghiệm:

Yết cáo tổ tiên: Theo lệ cũ chỉ sau khi đối chiếu gia phả, kiêng kị các trường hợp phạm húy (đặt tên trùng với tên húy của tổ tiên và thân nhân gần gũi nhất, kể cả nội ngoại) mới chính thức đặt tên húy cho trẻ sơ sinh, yết cáo tổ tiên và xin vào sổ họ. Ngày nay phải làm thủ tục khai sinh kịp thời, trường hợp ở xa quê, không kịp về đối chiếu gia phả, nhờ trùng tên húy tổ tiên trực hệ, thì tìm cách đổi, hoặc tránh gọi thường xuyên trong nhà. Lễ yết cáo tổ tiên rất đơn giản, nén hương, coi trầu, chén rượu cũng xong, thường kết hợp lễ tế tổ hàng năm mà yết cáo chung tất cả con cháu trong họ sinh trong năm cùng một lượt. Lễ vào sổ họ cũng đơn giản, cốt sao cho gia đình nghèo nhất trong họ cũng không gặp phải điều gì phiền phức.

Vào sổ họ: Thứ tự sổ họ ghi theo năm sinh, ai sinh trước ghi trước, sinh sau ghi sau. Trường hợp nhiều năm bị phế khoáng nay mới lập lại sổ họ, thì phải thống kê theo đơn vị họ gia đình hoàn chỉnh cả họ, sau đó mới lập sổ tiếp đối với những trẻ sơ sinh.

Mẫu sổ: Họ Tên (Tên Húy. Tên thường gọi) con ông bà, thuộc đời thứ mấy, chi thứ mấy? Con trưởng hay con thứ mấy? Ngày tháng, năm, sinh, ngày vào sổ họ.

Con gái vào sổ họ: Bất cứ trai hay gái, sau khi sinh đều có yết cáo tổ tiên, đã được tổ tiên phù trì phù hộ, nhưng nhiều họ ngày xưa không vào sổ họ đối với con gái, cho rằng “Nữ nhân ngoại tộc”, con gái là con người ta, lớn lên đi làm dâu lo cơ nghiệp nhà chồng vì thế không công nhận con gái vào họ. Tuy vậy, ngay trước CM T8-1945 một số họ đã xoá bỏ điều bất công đó, con gái cũng có mọi quyền lợi nghĩa vụ như con trai.

Ngày nay, trong phong trào khôi phục việc họ, xin kiến nghị các họ đặc biệt quan tâm đến con gái và nàng dâu của họ, họ nào coi trọng vai trò phụ nữ, và coi trọng vai trò người mẹ, người vợ, người cô, người chị, thì họ đó mới vững mạnh. Cả nước đang ra sức vận động kế hoạch hoá gia đình, con gái cũng như con trai, vậy nên vận dụng phong tục cũng phải phù hợp với tư duy thời đại.

Điều 29 : Có mấy loại con nuôi ?

Có ba loại con nuôi: Con nuôi chính thức, con nuôi danh nghĩa và con nuôi giả vờ.

Con nuôi chính thức: Có hai loại :

- Con lập tự : Gia đình không có con trai, nuôi con anh em ruột hoặc con anh em chú bác ruột. Có thể nuôi từ bé, hoặc lớn rồi mới nuôi, thậm chí có người đã thành gia thất, có con rồi mới nhận làm con nuôi. Người con nuôi lập tự đó chịu trách nhiệm săn sóc, nuôi dưỡng cha mẹ nuôi lúc tuổi già và hương khói tang tế sau khi mất, nên khi được hưởng quyền thừa kế gia tài hơn cả những người con gái do chính cha mẹ sinh ra, vì con gái là “con người ta”, sau khi gả chồng lo cơ nghiệp nhà chồng. Con nuôi lập tự được hưởng ruộng hương hỏa nếu cha nuôi là tộc trưởng, được họ hàng chấp nhận là cùng huyết thống nội thân. Nếu người con nuôi lập tự là con thứ của ông em thì con người con trưởng của ông em vẫn phải gọi người con nuôi lập tự đó bằng bác (đáng lẽ gọi là chú) . Khi cha mẹ nuôi chết, tang chế của vợ chồng người lập tự cũng ba năm như cha mẹ đẻ. Trường hợp cha mẹ chết trước, phải xin phép cha mẹ nuôi mới được về chịu tang, nhưng không được phép mặc áo khâu gấu, khăn ngang không được để hai giải bằng nhau. Khi cha mẹ nuôi đã sinh con trai thì thôi quyền lập tự nhưng vẫn là con nuôi được hưởng quyền thừa kế như các người con khác.

- Con nuôi hạ phóng tử: Có mấy trường hợp:

+ Con hoang thai nuôi từ lúc mới sinh. Có nhà hiếm hoi dạn từ trước, khi sinh nở thì đón về, sản phụ được bồi dưỡng một ít tiền và sau đó không được quyền nhận hay thăm con.

+ Con mồ côi hay con nhà nghèo khó, đem về nuôi là phúc, mặc dầu không hiếm hoi. Nếu nuôi thực sự từ lúc còn nhỏ cũng được hưởng mọi quyền lợi trong gia đình. Cha mẹ nuôi cũng có trách nhiệm dựng vợ gả chồng, sống nuôi chết chôn, cũng được cha mẹ nuôi chia cho một phần gia tài khi ra ở riêng. Trường hợp cha mẹ nuôi không có con trai cũng có thể lập người con này làm thừa tự, song không được can dự vào phần hương hỏa, tự điền cũng như việc họ, bởi lẽ khác dòng máu, không được họ chấp nhận. Tang chế đối với cha mẹ nuôi cũng ba năm như cha mẹ đẻ, đối với anh em nuôi cũng một năm như anh em ruột, nhưng đối với họ hàng bên bố mẹ nuôi thì không tang. Trừ một trường hợp con nuôi đã mang họ của bố nuôi, không biết bố đẻ (hoang thai) và đã được họ hàng chấp nhận thì mọi lễ nghi hiếu hỷ, tang chế đều như người trong họ, song vẫn không được hưởng hương hỏa, tự điền. Nếu bố nuôi là tộc trưởng vẫn không được kế thế tộc trưởng mà vai trò tộc trưởng thuộc con trai trưởng của chú em.

Theo phong tục một số địa phương “vô nam dụng nữ” thì người con rể cũng có quyền lợi và nghĩa vụ như con nuôi hạ phóng tử nói trên, nhưng chỉ để tang bố mẹ vợ một năm, anh em ruột của vợ chín tháng, ngoài ra không để tang cho ai bên nhà vợ. Lập tự chỉ lập tự cho cháu ngoại, không lập tự cho con rể. Cháu ngoại cũng không được làm tộc trưởng (như trên).

Con nuôi danh nghĩa: Có mấy trường hợp:

- Nhà hiếm con qua mấy lần tảo sa, tảo lạc, hữu sinh, vô dưỡng, hoặc theo số tử vi lỗi giờ sinh, xung khắc với cha mẹ nên phải bán làm con nuôi cho dễ nuôi. Khi sinh nở xong bố đẻ sẵn một chai rượu, cơi trầu đến nhà bố nuôi, làm lễ gia tiên bên bố nuôi xin cho ghé cửa nương nhờ, sau đó mời bố mẹ nuôi đến nhà xem mặt đứa trẻ và nhường quyền cho bố nuôi đặt tên cho đứa bé. Sau này khi lớn lên thì mừng 5 (đoang ngo) ngày Tết dắt đứa bé đến tết nhà bố mẹ nuôi. Đứa bé cũng xếp theo vị trí anh em ruột một nhà theo quan hệ lứa tuổi. Sau này lớn lên, trong huyết thống ba đời anh em cháu cháu không được quyền lấy nhau. Nếu vi phạm cũng coi như mắc tội loại luân. Chọn Bố mẹ nuôi thì chọn gia đình phúc hậu, lắm con nhiều cháu, làm ăn thịnh vượng.

- Do cảm ân đức, nghĩa tình nhận làm con nuôi.

- Anh em kết nghĩa với nhau thân tình, nhận bố mẹ của anh em cũng như bố mẹ của mình và ngược lại bố mẹ cũng nhận người anh em kết nghĩa với con mình như con cái trong nhà.

Trong những trường hợp đó, người Việt thì gọi chung là con nuôi, bố mẹ nuôi nhưng âm Hán gọi là “nghĩa phụ nghĩa tử” khác với “nghĩa phụ tử”, tang chế không quy định cho trường hợp “dưỡng phụ dưỡng tử”, nếu có gả con cho nhau thì càng tốt đẹp “thân thượng gia thân”.

Con nuôi giả vờ: Vì con khó nuôi, sợ ma ta quấy nhiễu người mẹ đem con bỏ đường bỏ chợ, nhưng dặn trước người trực sẵn đưa về nuôi, sau vài giờ hoặc vài ngày đến chuộc nhận làm con nuôi. Đây là cách đánh tráo con để thành con nuôi, con nuôi là con để để lừa ma. Trường hợp này đành rằng phải thông cảm y ước trước, nhưng cũng phải chọn người mẫn đảm, con không sài đẹn, nuôi súc vật mát tay...

Ngoài ba loại con nuôi dương trần nói trên, còn có tục “bán khoán” con cho thần linh như bán con cho Đức Thánh Trần, Đức thánh Mẫu... Đã là con thần thánh, có tấu, có sớ, có bùa, có dấu ấn hần hỏi thì mà quỷ không dám bén mảng đến đã đành mà bố mẹ nuôi con cũng phải đặc biệt chú ý: Không cho con ăn uống những thứ uế tạp, phải mặc đồ sạch sẽ, không được vá chằng vá đụp, không để con bò lê la, không được chửi rủa xỉ vả con, sợ ngài gọi về trời. Con chỉ được gọi cha đẻ bằng thầy, bằng cậu... Gọi mẹ bằng mợ, bằng chị, bằng u, bằng dè. Hai từ “Cha, mẹ” chỉ được tôn xưng với thần thánh. Bán cho Đức Thánh Trần chỉ được xưng họ Trần khi khẩn vái, bán cho phật phải xưng Mẫu, nhưng bán cho đức thánh mẫu là Liễu Hạnh không phải đổi họ. Sở dĩ gọi là “bán khoán” vì chỉ bán thời gian còn nhỏ để dễ nuôi. Đến tuổi 13 tuổi tức hết tuổi đồng ấu, đến tuổi vào sổ làng xã thì làm lễ xin chuộc về.

Chính thể mới hiện nay công nhận con nuôi cũng có quyền lợi và nghĩa vụ ngang con đẻ, đó là con nuôi thực sự được chính quyền địa phương công nhận trên cơ sở thỏa thuận giữa người nuôi và người đẻ hoặc giữa người nuôi và thân nhân đỡ đầu trong trường hợp bố mẹ đẻ không còn.

Đứa bé đếm tuổi thiếu niên cũng được quyền tự nguyện xin làm con nuôi, chọn bố mẹ nuôi. Bố mẹ nuôi có thể nuôi nhiều con tùy theo khả năng, nhưng không thể nhận làm con nuôi của nhiều gia đình. Tuổi bố mẹ nuôi phải cao hơn tuổi con nuôi ít nhất 20 tuổi.

Điều 30 : Xưng hô thế nào cho đúng ?

Vấn đề này thuộc lĩnh vực ngôn ngữ học, giáo dục học, nhưng dính dáng nhiều đến phong tục cổ truyền. Mới nghe tưởng đơn giản quá, đưa bé lên ba cũng biết. Quả vậy, trẻ con vừa học nói đã được cha mẹ, anh chị bày cho cách xưng hô, thế nhưng đến lớn đến già vẫn còn sai sót. Nhiều khi chỉ vì một sai sót nhỏ trong các xưng hô mà gây nên thành kiến nặng nề.

Đối với các nước khác châu á, đại từ nhân xưng có 3 ngôi: Người nói, người nghe và người, vật, sự việc được đề cập đến trong câu nói. Chỉ có sáu từ cơ bản nếu dịch mộc mạc ra tiếng Việt là: tao, mày, nó, chúng nó, chúng tao, chúng mày.

Ví dụ: “Bố mẹ cháu bảo cháu đưa ba cháu sang thăm hai cụ”. Câu này nếu dịch từ đối ra tiếng nước ngoài thì như sau: “Chúng nó bảo tao đưa nó sang gặp chúng mày”.

Ở Việt Nam ta đã quen từ nhỏ, đáng tuổi ông thì gọi là ông, đáng tuổi bác thì gọi là bác không được “mày tao chí tở”, “cá mè một lứa”. Chúng ta nên thông cảm với người nước ngoài học tiếng Việt. Đại từ nhân xưng tiếng Việt rất đa dạng phong phú nhưng cũng rất phức tạp, điều khó khăn phức tạp nhất là, ngay trong đại từ nhân xưng của ta đã mang sắc thái tình cảm, thể hiện sự yêu thương tức giận, kính trọng, khinh ghét, khách sáo, thân mật...

Trong cách xưng hô của ta có phân biệt tôn ti trật tự rõ ràng. Cháu bé hỏi rằng: Tại sao ông bảo cháu thưa bẩm, thế mà cháu gọi ông ông lại không thưa bẩm cháu. Cháu cũng không hiểu sao cha mẹ gọi con thì gọi thẳng Giáp con ắt được còn con gọi tên cha mẹ thì không được. Tại sao ông chú già rồi lại còn gọi là “ông trẻ”.

Cách dùng từ để xưng hô của ta còn tùy thuộc vào mức độ thân sơ giữa người nói và người nghe.

Ví dụ, thật thân tình bạn bè gọi nhau bằng mày tao, hã thì quý; gọi nhau bằng thưa quý anh hoặc bằng ông thì coi như giễu cợt kích bác nhau. Ngược lại, mới quen biết sơ sơ mà mày tao thì coi như bất lịch sự, đôi khi nghe bực mình bỏ đi không thèm trả lời. Cụ già và Lão già đồng nghĩa nhưng khi nói “Tôi hỏi cụ già” thì rất khác “Tôi hỏi lão già”. Cũng có trường hợp “lão” chưa hẳn đã già, mà là cách gọi thân mật.

Nếu có quan hệ họ nội, họ ngoại thì gọi theo quan hệ thân thuộc gắn bó tình thân thiết hơn; mặc dầu ít tuổi hơn mình nhưng ngang hàng cha mẹ mình thì gọi bằng chú, bác, cô, dì theo đúng vai vế trong họ. Ngược lại, đối với người đã lớn tuổi mặc dầu là bậc cháu nhưng để cho khỏi “chượng” nên gọi bằng anh, ông, bác ông... Coi như gọi thay con, cháu mình, như vậy thanh nhã và lịch sự hơn.

Thuần túy quan hệ xã hội, không có quan hệ họ hàng nhưng theo phép xã giao “trưởng nhất tuế vi huynh, trưởng thập tuế vi phụ” (hơn một tuổi làm anh, hơn mười tuổi làm cha), tức là tôn lên ngang bằng với cha mà gọi chú, bác. Đây là phép tôn xưng.

Điều 31 : Vợ chồng xưng hô với nhau như thế nào ?

Người Việt Nam ta từ nhỏ đến lớn, đến già nói chuyện với nhau đã quen tai nhưng nếu diễn giải cho người nước ngoài hiểu đạt được đầy đủ sắc thái ngôn ngữ kể thật lý thú . Ví dụ: “Nhà tôi” dịch ra tiếng Pháp là “Ma maison” thì người Pháp làm sao hiểu nổi.

Thời nay vợ chồng trẻ xưng hô với nhau “anh anh em em” âu yếm thân thiết biết bao! Dẫu chồng ít hơn dăm ba tuổi vẫn là anh. Lùi lại bốn mươi năm trước, những gia đình ít nhiều được Âu hoá, vợ chồng gọi nhau bằng “mình” cũng thể hiện được tình cảm đậm đà, gọi nhau bằng “cậu, mợ” cũng thanh nhã, nhưng những từ đó còn xa lạ với nông thôn, một số tân tiến muốn gọi nhưng vẫn còn ngượng ngùng với hàng xóm, chỉ thầm kín tỏ tình với nhau trong buồng, thỏ thẻ chỉ đủ hai người nghe với nhau. Cách gọi nhau bằng tên “trống không” cũng là một bước cải tiến lớn, chứ các cụ ngày xưa, thời trẻ chỉ gọi nhau bằng “bố thằng cu”, “u nó”, “mẹ hĩm”... Người mới lấy nhau chưa có con, chồng chẳng có chức vị gì mà gọi thì làm sao ? Bí quá, có cô mới về làm dâu, muốn gọi chồng đang chơi bên nhà hàng xóm về, chẳng biết xưng hô ra sao bèn ra ngõ gọi thật to “ai ơi! Về nhà ăn cơm”. Từ “ai” ở đây không phải là đại từ nghi vấn, hay đại từ phiếm chỉ mà có nghĩa là “chồng tôi ơi”.

Còn khi nói chuyện với người khác thì giới thiệu vợ mình hay chồng mình là “nhà tôi”. Từ “nhà tôi” thật là đậm đà gắn bó, “mình ” và “tôi” tuy hai nhưng một. “Nhà tôi” tức là “chồng tôi” hay “vợ tôi” chứ không thể nói “vợ anh”, “chồng nó” là “nhà anh nhà nó”.

Vợ chồng nói chuyện với nhau thường hay nói trống không “Này! Ra tôi bảo!” hoặc “nào ai bảo mình”...

Điều 32 : Cách xưng hô trong họ

Có xem sơ đồ gia phả toàn họ mới biết được: Mình thuộc đời thứ mấy, đời trên mình là những ai, mình thuộc chi nào, nhánh nào, bằng vai với mình trong họ là những ai? Có sơ đồ gia phả mới phân biệt được thế thứ trong họ mỗi người tự xác định được quan hệ trong nội tộc mà xưng hô cho đúng, chú ra chú, bác ra bác, anh ra anh, em ra em v.v.... Xưng hô trong nội tộc khác với xưng hô ngoài xã hội, để khỏi mang tiếng “Cá mè một lứa”. Ngoài xã hội dựa theo tuổi tác và chức vụ địa vị, trong gia tộc dựa theo thế thứ, nhưng khi giao thiệp với từng cá nhân cụ thể lại phải kết hợp theo cách xưng hô ngoài xã hội theo quan hệ tuổi tác. Có thể đúng theo huyết thống thì anh A phải gọi tôi bằng ông chú, nhưng tôi cũng gọi anh A bằng bác, vì anh A đã là người tuổi cao, gọi bằng cháu bất tiện và bất lịch sự. Tôi gọi anh A bằng bác đó là gọi thay cho cháu chắt tôi, mặc dầu tôi ít tuổi hơn anh nhưng về thế thứ ngang với ông nội anh A. Tuy nhiên nếu ít tuổi quá mà gọi bằng ông cũng bất tiện, có khi phải hạ xuống một bậc mà gọi bằng chú mới thân mật.

Trong khi chúng tôi biên soạn gia phả có người bà con trong họ thắc mắc: Gia phả có nhầm lẫn gì giữa các chi trong họ ta hay không ? Tại sao anh X. Còn ít tuổi hơn cháu nội tôi, mà tôi lại phải gọi anh X. bằng ông.

Xin trả lời: đó là hiện tượng phổ biến không có gì đặc biệt. Ngay trong một gia đình anh cả đã có con, mà chú út chưa ra đời: hiện tượng “Em bú chị dâu, cháu bú bà” là chuyện bình thường trong xã hội cũ, chỉ mới qua hai đời đã có sự chênh lệch 1 đời, vậy thì trong họ hàng qua nhiều đời, chênh lệch dăm ba đời không có gì là lạ.

Ở nông thôn còn mối quan hệ giây mơ rễ má chẳng chịt qua giữa thông gia, giữa bà con nội ngoại, nên cách xưng hô lại càng phức tạp, thông thường thì vợ chồng thống nhất cách xưng hô với ông chú bà bác bên nội bên ngoại như nhau, nhưng cũng có trường hợp do quan hệ huyết thống thân sơ khác nhau chồng gọi bằng em, vợ gọi bằng bác hay ngược lại. Nhưng dầu sao “Máu thoảng còn hơn nước lã”, gọi nhau theo quan hệ gia tộc vẫn thân mật hơn gọi theo quan hệ xã hội.

Điều 33 : Phải chăng lời chào cao hơn mâm cỗ ?

Trong tiếng Việt từ “chào” thường đi đôi với từ “hỏi” và từ “mời”, cách chào hỏi, chào mời, chào thưa ở mỗi địa phương có một phong tục khác, lại còn lệ thuộc vào đối tượng được chào và phong cách người chào.

Đối với các cụ già, khúm núm kính cẩn đứng lại “bấm cụ ạ” thì cụ có cảm tình ngay nhưng đối với người lớp trung niên tân tiến mà làm như vậy thì người ta tưởng chế giễu “Đi qua nghiêng nón không chào” không phải vì ghét nhau hờ hững với nhau mà vì quá yêu nhau bằng lời nói mà còn bằng khoé mắt nụ cười, có trường hợp mắt nói rõ hơn miệng.

Chào hỏi đi đôi với nhau, hỏi để chào: “ông khoẻ không ?” “ông đi đâu đấy ?” Nhiều khi hỏi băng quơ, hỏi không cần trả lời, nhưng nếu không chào hỏi thì ra điều lạnh nhạt khinh người.

Chào mời đi đôi với nhau: Cần phân biệt mời thực sự hay mời để thay lời chào. Nực cười! Hành khách trên hai chiếc thuyền đi dọc sông, ngược chiều nhau cũng mời nhau ăn cơm lời mời thuần tuý thay lời chào chứ có ai nhảy sang thuyền kia mà ăn đâu! lời chào có thức sự cao hơn mâm cỗ không. Có khi không có mâm cỗ, chỉ chào xuông, e không ổn, nhưng quả thực, mâm cao cỗ đầy mà lời chào nhạt nhẽo, khinh khi, kiêu kỳ thì mâm cỗ cũng bỏ đi.

Lời chào biểu hiện phong cách con người, biểu hiện nề nếp của gia đình, thuần phong mỹ tục của địa phương và của cả dân tộc ta. Song, ở mỗi nơi một khác, mỗi thời một khác. Ngày xưa chào bằng cách vái lạy; ngày nay chào bằng cách bắt tay. Chúng tôi sẽ trở lại vấn đề này trong câu hỏi “Ai vái lạy ai”.

Điều 34 : « Nhập gia văn húy » là gì ?

Theo phép xã giao, trước khi đến thăm một gia đình cần tìm hiểu tên Huý của ông bà cha mẹ và bản thân tên người mình định đến thăm, để tránh trong khi nói chuyện hoặc xướng hoạ thơ từ động đến tên húy gia tiên người ta “Huý” đồng nghĩa với “kỵ” (tức là kiêng kỵ). Ngày giỗ tức là húy nhật hay kỵ nhật. Tên húy là tên chính nhưng lại là tên kiêng nói đến, khi giận nhau người ta đề tên húy ra mà chửi. Ông bà, cha mẹ, chú bác có thể gọi con cháu bằng thẳng họ con kia theo tên húy, kể cả những người cao tuổi trong làng xóm. Trong ngôn ngữ thông thường có trùng âm cũng phải nói tránh đi, nếu không sẽ bị coi là hỗn.

Thời nay, giao thiệp rộng rãi, trong quan hệ bạn bè đồng chí gọi tên nhau là chuyện bình thường. Song về các vùng nông thôn phải tùy theo phong tục từng vùng mà xưng hô, nếu cứ theo họ tên ghi trong địa chỉ thư tín và giấy tờ hành chính mà gọi thì chưa chắc hẳn các vị cao tuổi đã vui lòng. Trừ những người đã thoát ly, công tác, còn thông thường người ta vẫn hay gọi nhau bằng tên con trưởng hoặc tên cháu đích tôn.

Ở miền nam nước ta hay gọi tên theo thứ tự sinh ra trong gia đình, nếu đã ra ngoài xã hội thì thường gán tên húy. Ví dụ : Ông Bảy Lửa, chị Ba Tịch ...

Điều 35 : Ai váy lạy ai ?

Vái lạy là phép xã giao thời xưa, không chỉ dùng khi cúng tế mà người sống cũng lạy nhau...”Đời xưa vua đối với bầy tôi, bố vợ đối với chàng rể, người tôn trưởng với kẻ ti ấu đều phải lạy đáp lễ... Đến đời nhà Tần mới đặt ra lễ “tôn quân ti thần”, nên thiên tử không đáp lạy bầy tôi nữa...

Ngày xưa từ quan khanh sĩ trở xuống đều theo cổ lễ mà đáp lễ kẻ ti ấu, nếu kẻ ti ấu (bề dưới) chối từ, mới dùng lễ túc bái đáp lại. Còn vái là nghi thức lúc đã lễ xong....Nước ta xưa kia có chốn công đường có lễ tông kiến, kẻ hạ quan cũng vái bậc trưởng quan... Gần đây những kẻ hiếu sự không biết xét đến cổ điển lại cho là lễ của tôn trưởng đối với kẻ ti ấu, còn kẻ ti ấu đối với tôn trưởng không được vái, chỉ lạy xong là cứ đứng thẳng và lùi ra...”(Trích Vũ trung tùy bút của Phạm Đình Hổ trang 174).

Xem đoạn văn trích dẫn trên ta thấy vái lạy là một phép xã giao, không chỉ vái lạy người trên mà người trên cũng vái lạy đáp lễ. Từ lạy nhau chuyển sang vái nhau trong buổi tương kiến, đến nay ta tiếp thu văn hoá Âu Tây vẫn giữ được phép tôn ti (tôn trưởng ti ấu).

Theo phong tục lễ giáo của ta, bề dưới phải chủ động chào bề trên trước, trẻ chào già trước, trò chào thầy trước . Nếu bề trên không chào lại người dưới, thầy không chào lại trò, tức là không đáp lễ, thì cũng bất lịch sự chẳng khác gì từ chối người khác, làm cho người đưa tay trước ngượng ngùng và bất bình. Không biết vái, chào lại người khác là đã tự làm mất đi phong cách lịch duyệt của chính mình.

Chúng tôi xin trích kể lại câu chuyện “Tam nguyên Tổng đốc lạy ông Nhiêu”.

Ông Nhiêu Chuồi người cùng làm ăn mừng lên thọ 80 Cụ Tam Nguyên cũng tới mừng. Khi làm lễ chúc thọ, cụ Tam cũng như mọi người lễ ông Nhiêu hai lễ rất kính cẩn. “Ai đời cụ Tam Nguyên Tổng Đốc lại lạy một người dân thường. Ông Nhiêu vội vàng sụp xuống lạy tạ. Cụ Tam đỡ ông Nhiêu dậy, ôn tồn nói: Ta lễ là lễ cái thiên tước của ông Nhiêu đấy...”

(Trích Nguyễn khuyến và giai thoại _ Bùi. V. Cường biên soạn_Hội VHNT Hà Nam Ninh xuất bản- tr 123)

Điều 36 : Đạo thầy trò

Quan hệ thầy trò nói riêng về mặt phong tục cũng cần có một tập sách riêng. Để trả lời cho những câu hỏi về đạo thầy trò, chúng tôi thiết nghĩ mấy dòng sơ lược thì chưa thể nào nói cho hết được.

Dân tộc ta vốn tôn sư trọng đạo, dưới chính thể nào cũng vậy. Vai trò thầy giáo luôn luôn tiêu biểu cho tầng lớp trí thức, tiên tiến được toàn thể xã hội công nhận. Nghề giáo vốn là nghề cao quý nhất. Nền giáo dục thời phong kiến cũng như thời dân chủ đều thống nhất một phương châm “tiên học lễ hậu học văn” “nhà trường gắn liền với gia đình và xã hội”... Nhân tài phục vụ xã hội, điều hành bộ máy Nhà nước đều được “ông thầy”, tức là khuôn mẫu, đào tạo nên, “không thầy đố mày làm nên”. Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức đều thống nhất dựa vào chế độ thi cử, có học vị, cấp bậc rõ ràng.

Vì tất cả những lẽ trên, có người đặt vấn đề: Vậy đặt thầy cao hơn cha có quá đáng không ?

Cha mẹ sinh ra, nuôi dưỡng mình, thầy giáo là người truyền thụ kiến thức cho mình. Sở dĩ hiền đạt, thi thô được tài năng với đời đều nhờ thầy. Ngày xưa, từ nhỏ đến khi đi thi đậu cử nhân, tiến sĩ thường cũng chỉ học một thầy cùng lắm là vài ba thầy, chứ không như ngày nay mỗi năm một lớp rồi mỗi môn một thầy. Ngày xưa có nhiều trường hợp thầy trò cùng lều chõng đi thi nhưng học tài thi phận , trò đậu thầy hỏng. Có những ông thầy đào tạo được nhiều ông Nghè, ông Cống nhưng bản thân ông thầy lại chẳng đậu đạt gì, chẳng nhận quan tước gì, có người thi đậu cũng không ra làm quan mà chỉ tiếp tục dạy học. Có những thầy giáo đạo cao đức trọng được môn sinh nể trọng hơn cha. Thầy Chu Văn An là người thầy tiêu biểu nhất được liệt thờ ở Văn Miếu.

Ngày xưa, thầy đồ dạy dỗ được một số học sinh đậu đạt cử nhân, tiến sĩ thì tự nhiên vai vế trong xã hội được nâng lên rõ rệt, quan tỉnh quan huyện cũng phải kính nể, chẳng những đối với thầy giáo mà cả gia đình thầy. Quang Trung ba lần mời Nguyễn Thiếp (La Sơn Phu Tử) ra làm quân sư, chính là để thu phục nhân sĩ Bắc Hà, vì Nguyễn Thiếp là thầy giáo của nhiều triều thần Lê Trịnh đương thời.

Ngành giáo dục tuy có chế độ thi hương, thi hội, thi đình rất nghiêm rất chặt, song rất ít giáo chức rất ít trường công, ở cấp huyện , cấp phủ chỉ có một vài huấn đạo giáo thụ ăn lương nhà nước, hầu hết là các lớp tư thực. Một nhà khá giả trong vùng nuôi thầy cho con ăn học , xóm làng chung quanh gửi ôn đến thụ giáo không phải nộp học phí, chỉ đến ngày mùng 5 tháng 5 ngày Tết... cha mẹ học trò mới đưa lễ tết đến tết thầy tùy tâm. Giàu có thì thúng gạo nếp, bộ quần áo...Nghèo thì một cối trầu một be rượu cũng xong.

Môn sinh của một thầy thường tổ chức nhau lại gọi là Hội đồng môn, có trưởng tràng, giám tràng và một số cán tràng giúp việc trưởng tràng. Con thầy mặc dầu ít tuổi hơn cũng được gọi là thế huynh. Thầy nào có tiếng dạy giỏi, dạy nghiêm thì được nhiều sĩ tử đến theo học , Hội đồng môn vận động các gia đình môn sinh đóng góp tiền của tạo ruộng, tạo trâu bò rồi phân công cày cấy, đến mùa màng gặt tự gánh về gia đình nhà thầy để gia đình thầy chi dụng. Khi thầy mất lại dùng ruộng đó lo tang ma cho thầy, cho vợ thầy và giỗ tết

tế tự về sau.

Học trò để tang thầy cũng ba năm như tang cha mẹ, nhưng không mặc tang phục, gọi là tâm tang tức là để tang trong lòng.

Cụ Thượng Niên về lễ tang vợ thầy:

Nguyễn Khắc Niên (1889-1954) người Sơn Hoà, Hương Sơn, Hà Tĩnh đậu Đệ nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng Giáp) khoa Đinh Mùi 1907 làm Thượng thư bộ Lễ lương hương chính triều Bảo Đại. Nguyễn Khắc Niên là học trò cụ Nguyễn Duy Dư người Sơn Tiến, một người nổi tiếng hay chữ ở huyện Hương Sơn, đã được hội Tư văn hàng huyện tôn xưng là “Hương Sơn tứ hổ”.

Nguyễn Khắc Niên thụ giáo cụ Dư ở cách nhà mình trên 4 km. Đến kỳ thi Hương hai thầy trò cùng lều chõng đi thi, học trò đậu cử nhân, được vào Huế thi Hội đậu luôn Hoàng giáp, thầy chỉ đậu Tú tài. Theo chế độ thi cử thời trước: Cử nhân mới được dự thi Hội, còn Tú tài thì phải 3 khoa Tú tài mới được thi. Ba năm mới có một khoa, thầy Tú chưa kịp chờ để thi lại khoa sau thì đã từ trần- 1909. Hơn 30 năm sau, bà Tú Dư mất, lúc đó Nguyễn Khắc Niên đã lên đến chức Thượng thư trong triều. Nghe tin vợ thầy học cũ mất, ông đánh xe từ Huế về Hà Tĩnh để phúng viếng. Nhà cách sông và đường quốc lộ, Tri huyện tiếp điện đã lệnh cho Tổng lý địa phương đem kiệu và võng lọng ra tận bờ sông đón rước cụ thượng về quê lễ vợ thầy. Nhà ông bà Tú trên đỉnh đồi Sơn Trại, người trai tráng leo lên cũng cảm thấy mệt, hơn nữa sỏi đá lởm chởm. Nhưng để tỏ lòng cung kính nhớ ơn thầy, cụ thượng Niên đã xuống cáng, đi chân đất có hai người lính hầu dìu hai bên, lên tận nhà thầy gần đỉnh đồi. Tất nhiên cụ Thượng thư đã đi chân đất thì từ tuần phủ tri huyện đến tổng lý cũng phải tháo hia hài cặp nách mà leo lên. Người con trưởng cụ Tú và một số gia nô khăn áo chỉnh tề đã xếp hàng đứng ở cổng. Mặc dầu chỉ là dân thường ít hơn một vài tuổi, nhưng con trai cụ Tú cũng được Cụ Thượng Niên vái chào rất cung kính (vì được coi là thế huynh).

Học trò cũ mà thầy lại mất từ lâu, nay về lễ tang vợ thầy, đây là chuyện thực mắt thấy tai nghe, kể lại dấu có lỗi thời, nhưng cũng hy vọng các bạn đọc chắt lọc được trong phong tục xưa chút hương vị ngọt ngào chăng ?

Điều 37 : Miếng trầu là đầu câu chuyện

Theo phong tục Việt Nam, miếng trầu tuy rẻ tiền nhưng chứa đựng nhiều tình cảm ý nghĩa, giàu nghèo ai cũng có thể có, vùng nào cũng có. Miếng trầu đi đôi với lời chào, người lịch sự không ăn trầu cách mặt nghĩa là đã tiếp thì tiếp cho khắp:

Tiện đây ăn một miếng trầu

Hỏi rằng quê quán ở đâu chẳng là

“Đầu trò tiếp khách” là trầu, ngày xưa ai mà chẳng có, hoạ chẳng riêng Tú Xương mới “Bác đến chơi nhà ta với ta”

Quý nhau mời trầu, ghét nhau theo phép lịch sự cũng mời nhau ăn trầu nhưng “cau sáu ra thành mười”.

Đặc biệt “trầu là đầu câu chuyện” giao duyên giữa đôi trai gái:

“Lân la điều thuốc miếng trầu, đường ăn ở dễ chiều lòng bạn lứa”.

Trầu vàng nhá lẫn trầu xanh

Duyên em sánh với tình anh tuyệt vời.

Mời trầu không ăn thì trách móc nhau:

Đi đâu cho đổ mồ hôi

Chiếu trái không ngồi trầu để không ăn.

Thưa rằng bác mẹ tôi răn

Làm thân con gái chớ ăn trầu người.

Khi đã quen hơi bén tiếng, trai gái cũng mượn miếng trầu để tỏ tình, nhất là các chàng trai nhờ miếng trầu mà tán tỉnh:

Từ ngày ăn phải miếng trầu

Miệng ăn môi đỏ dạ sâu đăm chiêu.

Một thương, hai nhớ, ba sầu

Cơm ăn chẳng được, ăn trầu cầm hơi.

“Có trầu, có vỏ, không vôi” thì môi không thể nào đỏ được, chẳng khác gì “có chăn, có chiếu không người nằm chung”.

Cho anh một miếng trầu vàng

Mai sau anh trả cho nàng đôi mâm.

Yêu nhau chẳng lấy được nhau

Con lợn bỏ đói, buồng cau bỏ già.

Miếng trầu không đắt đỏ gì “ba đồng một mớ trầu cay” nhưng “miếng trầu nên dâu nhà người”.

Ngày nay để răng trắng nhiều người không biết ăn trầu nữa, nhất là ở thành phố, nhưng theo tục lệ nhà ai có con gái gả chồng, sau khi ăn hỏi xong cũng đem cau trầu cau biếu hàng xóm và bà con nội ngoại. Vì miếng trầu là tục lệ, là tình cảm nên ăn được hay không cũng chẳng ai chối từ

Thời xưa, ăn trầu còn sợ bị bỏ “bùa mê”, “bùa yêu” nên người ta có thói quen:

Ăn trầu thì mở trầu ra

Một là thuốc độc hai là mận vôi.

Các cụ càng già càng nghiện trầu, nhưng không còn răng nên “đi đâu chỉ những cối cùng chày” (Nguyễn Khuyến). Cối chày giã trầu làm bằng đồng, chỉ bỏ vừa miếng cau, miếng trầu, miếng vỏ nhưng trạm trổ rất công phu, ngày nay không còn thấy có trên thị trường nên các cụ quá phải nhờ con cháu nhá hộ.

Vì trầu cau là “đầu trò tiếp khách” lại là biểu tượng cho sự tôn kính, phổ biến dùng trong các lễ tế thần, tế gia tiên, lễ tang, lễ cưới, lễ thọ, lễ mừng... Nên tèm trầu cũng đòi hỏi phải có mỹ thuật, nhất là lễ cưới có trầu tèm cánh phượng có cau vỏ trổ hoa, “cau già dao sắc” thì ngon. Bày trầu trên đĩa, hạt cau phải sòng hàng, trầu vào giữa, đĩa trầu bày 5 miếng hoặc 10 miếng, khi đưa mời khách phải bưng hai tay. Tế gia tiên thì trầu tèm, còn tế lễ thiên thần thì phải 3 lá trầu phết một tí vôi trên ngọn lá và 3 quả cau để nguyên.

Điều 38 : Xuất xứ của tục nhuộm răng và cách nhuộm răng

Tục nhuộm răng là tục cổ xưa của dân tộc Việt, có từ thời các vua Hùng với tục ăn trầu. Sử thần của nước Văn Lang (giao chỉ) trả lời vua nhà Chu (Trung Quốc) về tục ăn trầu “Chúng tôi có tục ăn trầu để khử mùi ô uế và nhuộm cho răng đen...”.

Khiếu thẩm mỹ của con người cũng tùy thuộc theo đặc điểm dân tộc và tùy thuộc theo thời đại mà thay đổi. Đối với các dân tộc ở châu Phi hay ấn Độ thì da càng đen càng đẹp. Nước ta ngày nay, chẳng ai nhuộm răng đen nữa, nhưng ngày xưa “bồ công trang điểm má hồng răng đen”. Đến như Phan Kế Bính là một nhà trí thức tiến bộ đầu thế kỷ, chủ trương cải tạo phong tục còn có nhận xét: “Đàn ông răng trắng thì chẳng sao, chớ đàn bà nhà tử tế bây giờ mà răng trắng thì coi khí ngộ một đôi chút. Nhưng lâu dần cũng phải quen mắt, có lẽ quen mắt rồi thì trắng lại đẹp hơn đen nhiều”.

Năm quan mua lấy miệng cười

Mười quan chẳng tiếc, tiếc người răng đen.

Tục nhuộm răng đã lỗi thời, nhưng xin giới thiệu cách nhuộm răng cổ truyền của dân tộc ta, để các bạn trẻ được biết: (có thể vận dụng trong ngành mỹ nghệ, kẻ vẽ, nhuộm các chế phẩm bằng xương bằng ngà voi và nhựa).

Trước hết dùng các cánh kiến tán nhỏ, vắt nước chanh để kín 7 ngày, chờ tối đi ngủ phết thuốc ấy vào hai mảnh lá dừa hoặc mo cau rồi đắp vào hai hàm răng. Trong khi nhuộm răng thì phải kiêng nhai. Nhuộm như thế 5, 7 ngày cho răng đỏ già ra màu cánh gián thì bôi thuốc răng đen. Thuốc răng đen làm bằng phen đen trộn với cánh kiến, nhuộm 1, 2 miếng là đen kịt lại, đoạn lấy cái sọ dừa để con dao mà đốt cho chảy nhựa ra, lấy nhựa ấy phết vào răng cho không phải ra được nữa.

(Trích Phong tục VN của Phan Kế Bính, tr 351).

Điều 39 : Tại sao gọi là « tóc thề » ?

Các cô gái cô mái tóc thề trông thêm duyên dáng.

Tóc thề vốn là một vài sợi tóc ngắn phất phơ hai bên trán và vành tai. Có những bạn trai nghe nói các cô gái có mái tóc thề, tưởng là các cô đã có người yêu, nhưng thực tế nào các cô đã thề thốt cùng ai ?

Nguyên xưa, các đôi trai gái yêu nhau hoặc có những đôi đã nên vợ nên chồng, đang mặn nồng đắm thắm bỗng vì một lý do gì đó làm cho tình duyên dang dở, đôi lứa xa nhau. Họ quyết một lòng, dẫu cho sông cạn đá mòn, năm tháng chờ đợi vẫn một lòng thủy chung. Trước khi lưu luyến chia tay, họ cắt trao cho nhau một mớ tóc để âm tin và luôn giữ trong mình như kỷ vật. Mớ tóc đó gọi là tóc thề. Chỗ tóc bị cắt đó dần mọc lại và dài dần, mái tóc mới mọc đó gọi là tóc thề. Trong chuyện Kiều có câu:

Tóc thề đã chấm ngang vai

Nào lời non nước, nào lời sắc son.

Có nghĩa là dăm ba năm sau, chỗ tóc bị cắt cụt đã mọc dài chấm ngang vai rồi vẫn chưa thấy bóng dáng người yêu. Nên nhớ, thời xưa con trai cũng để tóc dài, cũng búi tóc, và vì vậy cũng có tóc thề.

Điều 40 : Màu sắc với truyền thống văn hóa dân tộc

Ở mỗi dân tộc việc vận dụng màu sắc có tập quán khác nhau. Thí dụ ở các nước phương Tây, màu đen là màu tang tóc, còn ở Việt Nam và các nước phương Đông thì phổ biến màu tang là màu trắng.

Màu sắc còn mang đặc trưng sắc thái của các tầng lớp xã hội khác nhau: Thí dụ màu vàng là của vua, từ các quan đại thần cho đến thường dân, cấm không ai được mặc quần áo hoặc xây dựng nhà cửa màu vàng. Màu tím là sắc phục của các quan đại thần. Màu điều, màu đỏ dành riêng để tế thần và làm sắc phục cho các cụ thượng thọ. Màu nâu sòng là của cửa Thiền dành cho những kẻ quy y Phật tổ, cũng như màu đen là sắc phục của linh mục đạo Ky-Tô. Màu xanh là của những người còn theo đòi Cửa Khổng sân Trình, của học trò chưa đậu đạt:

Trong bài thơ La-sơn phu-tử Nguyễn Thiếp gửi Tiến sĩ Nguyễn Khản có câu:

Quân kim bào hốt trung triều sĩ,

Cố ngã lâm tuyền khâm thượng thanh....

(Có nghĩa là: Nay ngài đã là khanh tướng trong triều, mà còn nhớ đến bạn học ngày xưa áo vẫn xanh). “áo vẫn xanh” tức là chưa hiển đạt, vẫn còn là bộ quần áo của người hàn sĩ. Màu đào tức màu hoa đào là của các nàng ca sĩ, cho nên mới có danh từ “Hát ả đào”.

Màu đen, màu nâu là trang phục rẻ tiền nhất của quần chúng nông dân. Màu xanh nhập nội từ đất nước Trung hoa sau giải phóng gọi là xanh công nhân.

Ở Việt Nam, từ xưa tới nay, màu đỏ, màu vàng, màu hồng, dùng trong trường đối chỉ dành để chúc tụng, khao lão, mừng rỡ, còn trong lễ tang chỉ có thể dùng màu trắng, màu xanh, màu đen, màu tím.... không hiểu vì sao, gần đây nhan nhản ở các cửa hàng, trường diều (lễ tang) cùng dùng màu đỏ, màu vàng rực rỡ, phải chăng các cụ già chết là đáng mừng, không cần phải an ủi, lưu luyến, nên chẳng cần dùng màu đen, trắng, xanh, tím như ngày xưa. Vì thế mới xảy ra câu chuyện oái oăm: Có người đi mừng ông bạn 70 tuổi lại mua một bức trường diều màu đỏ thêu 4 chữ vàng “Tiên cảnh nhàn du”, có khác gì chúc cho bạn mình mau chết để chóng được lên dạo chơi trên cảnh Bồng Lai. Nguyên “Tiên cảnh nhàn du”, (Nghĩa là thanh nhàn dạo chơi trên cảnh tiên) là để an ủi người mới mất từ nay hết nợ trần gian lên hưởng cảnh tiên.

Điều 41 : Vì sao có tục bán mở hàng ? Bán mở hàng thế nào cho đắt khách ?

Trong phong tục ngày Tết, chúng tôi đã trình bày: đầu năm ai cũng muốn vận hội hanh thông, làm ăn suôi sẻ, làm quan có ngày khai ấn, kẻ sĩ có ngày khai bút, nhà nông có ngày khai canh, làm thợ có ngày khai công, người làm nghề buôn bán có ngày mở hàng. Theo tâm lý chung mọi việc khởi đầu đều khó khăn, mà “Đầu đi thì đuôi lọt!”. Riêng trong nghề buôn bán lại càng bấp bênh, có ngày mua may bán đắt, có ngày ngồi suốt buổi chẳng ai ngó tới, có tháng lời lãi nhiều, lợi lộc lớn, có tháng thua lỗ mất cả chì lẫn chài, vì vậy không những chọn ngày mở hàng đầu năm, mà cả đầu tháng, đầu tuần, từng ngày còn phải để ý đến chuyện mở hàng: mở hàng vào lúc nào ? Bán cho ai “Nhẹ vía” để cả ngày bán đắt hàng ?

Thông thường muốn được đông khách đến mua thì thái độ người bán hàng phải niềm nở, vồn vã, ân cần, bán với giá hơn bình thường để cầu được đông khách và giữ được chữ Tín đứng hàng đầu. Song có người lại tưởng nhầm bán mở hàng phải bán cho đắt, người mua mặc cả chê đắt không mua bỏ đi, rốt cuộc ngồi lì suốt buổi không ai hỏi đến, thậm chí còn có thái độ và ma thuật bĩ ối cho là tại người mở hàng nặng vía, chửi rủa ngăm và “Đốt vía” người mở hàng. Người bán hàng như vậy không biết rằng: chính mình là người nặng vía nhất.

Ngày trước người ta muốn đi chợ sớm để được mau mở hàng có giá rẻ hơn chút ít, nhưng ngày nay nhiều người ngại mở hàng vì sợ vướng phải hạng người không biết mình bán hàng nặng vía lại đòi “Đốt vía” người mua mở hàng.

Đến đây ta có thể kết luận được: Bán mở hàng nên bán đắt hơn hay rẻ hơn giá bình thường ?

Chuyện vui:

“Mở hàng nhẹ vía ” hay “Nợ như Chúa Chỗm”

“Nợ như Chúa Chỗm”. Đó là thành ngữ phổ biến để chỉ người lắm nợ. Nhưng tại sao Chúa Chỗm lại lắm nợ như vậy ? Truyền thuyết kể rằng: “Chỗm” là hàng cùng dân ở miền Thanh Hoá, chẳng có gia tài điền sản hay nghề ngỗng gì, quanh năm chỉ có đánh dậm, mò cua, bắt ốc nuôi thân. “Chỗm” tên thật là gì, quê quán ở đâu, bà con họ hàng thân thích có những ai ? Chẳng ai để ý đến.

Một con người “Tứ như Chúa Chỗm” được. Nguyên do: có mấy lần sáng sớm, Chỗm vào một quán nhỏ ăn lót dạ, tự nhiên những hôm đó chủ quán bán rất đắt hàng. Vì vậy, một đồn mười, mười đồn trăm, các chủ quán ai gặp Chỗm, cũng có nài Chỗm vào ăn quà lấy may. Ai được Chỗm hôm nào chiếu cố vào ăn thì hôm ấy đều bán được đắt hàng. Nhưng Chỗm làm gì có nhiều tiền để trả, người ta vui lòng mời Chỗm ăn, bao giờ có tiền trả cũng được, mà không có cũng thôi, do đó trong khắp vùng không ai mắc nợ nhiều bằng Chỗm.

Năm 1527, Mạc Đăng Dung cướp ngôi của vua Lê Cung Hoàng, dựng nên nhà Mạc. Đến nay 1532 Nguyễn Kim khởi nghĩa phò Lê chống Mạc, đi tìm hậu duệ tôn của vua Lê,

tìm được Chỗm, mặc dầu khố rách áo ôm, nhưng có khí tướng đế vương (người ta còn đồn đại rằng: Chỗm đi đâu cũng có đám mây che trên đầu, trời đang nắng gắt cũng trở nên dâm mát...) Chỗm được phò lên ngôi vua mở đầu thời Lê Trung Hưng đóng đô ở Thanh Hoá (tức Tây đô) để chống với nhà Mạc ở Hà Nội (tức Đông đô).

Sau khi lên làm vua, không có điều kiện gần gũi quần chúng như trước, và cũng không nhớ nợ ai bao nhiêu mà trang trải nợ nần nữa, Chúa Chỗm (thực ra là Vua Chỗm) đành phải hạ lệnh đúc thật nhiều tiền, rồi Chỗm đi đến đâu rải tiền ra đến đấy, cho công chúng ai nhanh tay, mạnh bước thì nhặt lấy. Vì thế nên mới có thành ngữ “Nợ như Chúa Chỗm”.

Điều 42 : Đạo hiếu là gì ?

Các bạn biết chữ Hán thấy rõ: Chữ “Hiếu” là chữ viết tắt của hai chữ “Lão” ở trên (lướt bớt phần dưới) và chữ “Tử” ở dưới. “Hiếu” tức là mối quan hệ cha trên, con dưới; suy rộng ra là đạo nghĩa của con cháu đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Đọc bài “Đạo hiếu” của Nhất Thanh (Tr.331 cuốn “Đất lề quê thói”- NXB Đồng Tháp) cùng với một số bài nói về lễ Mừng lão, Yến lão, tôi rất nhất trí và không lặp lại, chỉ xin nói thêm vài lời.

Đạo hiếu xuyên suốt trong mọi phong tục của nhân dân ta, không thể không nói đến chữ hiếu khi viết về phong tục cổ truyền của ta. Lễ tế, lễ tang, lễ cưới, kể cả sinh đẻ, xây nhà dựng cửa, hội hè đình đám, việc nước, việc làng, thuần phong mỹ tục đã đành mà trong số những phong tục đã lỗi thời, ngày nay bị xếp vào loại đồi phong bại tục, ta cũng chẳng lọc được một phần tinh hoa của đạo hiếu.

“Hiếu” là thiên kinh địa nghĩa, là gốc của mọi đức tính. Ca dao tục ngữ đã nói nhiều, ngay trong bài học vỡ lòng, trong “Luân lý giáo khoa thư” các em đã hiểu: “Công cha như núi Thái Sơn, nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra”... Những chân lý đó, ai không chấp nhận, song quan niệm về chữ “Hiếu” ngày nay cũng có phần khác thời xưa.

Tôi không dám lên mặt dạy đời, chỉ xin thuật lại một buổi tranh luận trong nội bộ gia đình tôi:

Trước hết tôi hỏi “Hiếu” là gì? Cháu nhanh nhẩu trả lời: “Hiếu” là hiếu với dân, Bác Hồ khuyên “Trung với nước, hiếu với dân”. Đài báo cũng nhắc luôn: “Hiếu với dân, tức là cán bộ phải chăm lo cho dân, đừng ăn hôi lộ, đừng hách dịch với dân”.

- “Việc hiếu” là gì ?

- “Việc hiếu” là việc ... là việc... là việc cán bộ chăm lo cho nhân dân mà không ăn của dút, không... Đến đây cháu lúng túng. Thằng con út tôi trả lời thay:

- “Việc hiếu” là việc đưa đám ma, vì hôm trước, đưa đám ma xong, ông hàng xóm đứng lên cảm ơn thân bằng cố hữu đã giúp gia đình lo xong việc hiếu....

Đến đây, được chú em tôi phụ họa thêm:

- Cháu nói có lý đấy anh ạ! “Việc hiếu” là việc đối với người chết, cho nên người ta thường nói “Hiếu”, “Hỷ”, tức là chỉ việc tang, việc cưới. Nhưng cháu ạ, việc hiếu phải ba năm chứ không phải đưa ma xong là xong đâu ! Đến như tiến sĩ Lý Trần Quán, một người tận trung tận hiếu cuối triều Lê, trước khi chết còn viết đôi câu đối “Tam niên chi hiếu dĩ hoàn. Thập phần chi trung vị tận” (Chữ “Hiếu” 3 năm đã xong, chữ “Trung” mười phần chưa trọn).

- Hiếu đối với người chết, còn đối với người sống thì sao? “Sự tử như sự sinh” kia mà ?

-Ồ, anh muốn biết con anh có hiếu hay không, xin anh hãy ráng chờ sau khi anh chết

sẽ rõ. Ca dao có câu “Khi sống thì chẳng cho ăn. Đến khi chết xuống làm văn tế ruồi”. Thời xưa còn thế nữa là bây giờ. Nhưng anh cũng đừng lo ruồi ăn hết phần, vì thanh niên ngày nay có biết đọc văn nữa đâu mà tế ruồi.

Đến đây lại chuyển sang mục tranh cãi giữa tôi và chú em về quan niệm chữ “Hiếu” thời xưa và thời nay.

- Thời nay lớp trẻ chẳng biết “Chín chữ cù lao” là cái gì. Công ơn mang nặng đẻ đau, nuôi con khôn lớn tốn bao nhiêu tâm lực, đến nay chúng nó có lớn mà chẳng có khôn.

- Tôi phản nản - Đã thế còn hỗn láo, bướng bỉnh...

- Đó chẳng qua là cái món nợ đồng lần, mình nuôi con rồi nuôi cháu cũng thế. Lớp trẻ bây giờ nhiều người nói ngược: “Sinh ra ta, nuôi ta lớn lên, đó là trách nhiệm của các ông bà cô”. Có đứa còn trách bố mẹ: “Sao người ta ăn sung mặc sướng, được chiều chuộng. Bố mình thì “Khắt khe”, “Ky bo” mà còn kể ơn huệ!” - Chú em tôi kể thêm.

Đối với những ông bố bà mẹ có những đứa con như vậy, quả thật là bất hạnh, song cũng phải khẳng định số người đó rất ít, và lại khi đến tuổi trưởng thành, được tiếp thu sự giáo dục của gia đình, nhà trường, xã hội và qua khảo nghiệm thực tế của cuộc đời, chúng sẽ thay đổi tính tình. Bố mẹ bao giờ cũng sẵn sàng tha thứ, nước mắt chảy xuôi là lẽ thường tình.

Bàn đến câu ca dao: “Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư”, rồi “Trứng khôn hơn vịt”... được dịp, con cả tôi xen vào:

- Con xin phép cha mẹ và chú, con cãi cha mẹ không phải trăm phần trăm con hư cả. Nếu cha mẹ nghĩ sai làm sai, con can ngăn thì đó có phải là bất hiếu đâu!

Ông chú gật gù tán thành:

- Cháu nói có lý. Câu “Con cãi cha mẹ trăm phần con hư” chỉ đúng khi đứa con còn thơ ấu, chứ khi đã trưởng thành có nhiều cô cậu còn khôn hơn cha mẹ. “Con hơn là nhà có phúc” mà ! Thời đại ngày nay, khoa học kỹ thuật tiến vùn vụt, tư duy chính trị, kinh tế bây giờ cũng đổi mới mà cánh già chúng ta thường hay thủ cựu, bảo thủ cố chấp. Ấu cũng là mâu thuẫn giữa hai thế hệ...

- Theo chú, câu tục ngữ “Có con tội sống, không có con tội chết” có đúng không ?

- Đúng thời xưa nhưng không đúng thời nay. Thời xưa có câu “Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại” (có 3 điều bất hiếu với cha mẹ, trong đó không có con là điều nặng nhất). Cha mẹ ông bà tuy đã qua đời nhưng không còn sống trong ta, nếu ta không có con thì sau khi ta chết, ta cũng làm tiêu tan nốt giòng máu của bao đời tổ tiên, ông cha lưu lại. Nhưng còn tội sống thì sao ? Có ít người cho rằng nuôi con chẳng qua chỉ mang thêm tội vạ. Đã vậy sao nhiều người ghét con lại thương cháu. Có lẽ họ nghĩ rằng chon họ đã không nối được nghiệp cha ông thì hy vọng cháu mình sẽ nối.

Trong cuốn “Một nghìn lẻ một đêm” một nhà thông thái đã trả lời đám đông: “Nỗi khổ nhất và dai dẳng nhất trên đời là có đứa con hư”. Nhưng còn một mặt khác, mà là mặt tích cực và phổ biến “Con khôn nỡ mặt mẹ cha” “Một con một cửa”, có ai từ. Gặp nhau người ta hỏi thăm nhau: “Mấy trai mấy gái rồi ?”, chứ có hỏi: “Mấy cửa rồi ?” đâu. Còn như câu “Trẻ cậy cha, già cậy con” ngày nay liệu còn đúng không ?

Nhân nhắc đến những gương hiếu kính thời xưa được nhà vua ban biển vàng như thời vua Lê Huyền Tông cách đây gần ba trăm năm (1663-1671), ban biển đỏ với bốn chữ vàng “Hiếu hạnh khả phong” như thời vua Hàm Nghi cách đây hơn một trăm năm (1885-1888) chú em tôi thắc mắc có tính chất gợi ý: “Thời nay thiếu gì gương hiếu kính sao từ trung ương đến địa phương chưa thấy có hình thức khen thưởng biểu dương gì ?. Trong quyển “Nhị thập tứ hiếu” có Lục Tích người quận Cửu Chân mới 6 tuổi đến nhà họ Viên ăn tiệc xong dầu quả quýt mang về cho mẹ Quận Cửu Chân là đất Thanh Hoá ngày nay. Lục Tích cũng được liệt trong số “Thảo hai mươi bốn, thơm nghìn muôn thu”, sao trong sử sách ta, không thấy nói đến.

Ông chú vừa dứt lời, cậu con trai thứ của tôi xen ngay :

- Tưởng ai nổi danh, chứ như Lục Tích giấy quýt về cho mẹ cũng đưa vào sử sách, thì ở nước ta giấy mực đâu mà thống kê cho hết, ở một vùng cũng đến hàng ngày hàng vạn người. Ngay như cháu đây, lúc nhỏ cùng đi ăn giỗ với chú ở nhà thờ họ, hẳn chỉ còn nhớ, lúc đó cháu mới bốn, năm tuổi, cháu còn nhớ chú xé sẵn cho cháu một tài lá chuối trước khi ăn cỗ, thế rồi phần giò, phần nem, chả, xôi, hoa quả của cháu, cháu đều gói cả lại mang về phần mẹ, phần em, mặc dầu cháu rất thèm, cháu hơn hẳn Lục Tích chứ chú!

Nghe con nhắc lại chuyện cũ, vợ tôi nhoen miệng cười gật đầu tán thưởng. Tôi liếc thấy vợ tôi còn rơm rớm nước mắt vì cảm động.

Cậu con trai thứ của tôi, bỗng quay lại phía chú, đột ngột hỏi:

- Vua ban bằng ‘Hiếu hạnh’ gì gì đó có đúng đối tượng không chú ? Hay lại nghe dưới râu tóc lên, chỉ phong cho bốn lăm tiền, khéo nịnh, để được ăn khao cho to ? Chú ạ, ngày xưa các cụ ngốc lắm” “Đức Đại thánh họ Ngu vua Thuấn” thì đúng là không khôn: hiếu với cha mẹ đã đành một nhẽ, chứ với mẹ gì ghê cay nghiệt như kiêu mẹ con Cám, gặp phải cháu thì ăn đám chứ đừng hòng “Trăm cay đắng một niềm ngon ngọt”. Đời nhà ai, có người chôn con nuôi mẹ như Hán Quách Cự mà cũng được “Thơm nghìn muôn thu”. Đáng lý ra triều đình phải nghiêm trị tội giết người, hơn nữa lại là tội giết hại trẻ con.

Cuối cùng chú em tôi quay sang hỏi tôi:

- Theo ý anh, thế nào là “Có hiếu”, thế nào là “Bất hiếu”. Giữa hai đứa con, anh chọn đứa nào, một như cháu đây: Con nhà nghèo, mới 4, 5 tuổi đã biết giành phần ngon về biểu mẹ, một là đứa giàu sang, không đúng ngày giỗ cha cũng lấy cỗ bịa ra ngày giỗ, cỗ bàn linh đình để khoản đãi, cầu cạnh những kẻ cao sang, làm ra vẻ người con chí hiếu, trong khi đó thì hắt hủi người mẹ quê mùa, lam lũ nghèo hèn như trong chuyện “Báo hiếu cha” của Nguyễn Công Hoan. Thế nào, giữa “Lục Tích nhà ta” mặc dầu có lúc còn hỗn láo bướng bỉnh và nhân vật “Chủ hăng ô tô con cộp” của Nguyễn Công Hoan, anh chọn đứa nào?

Đường như để tránh dung dưởng cho những điều không phải, chú em tôi quay lại, nhỏ nhẹ bảo cháu:

- Cháu ạ, cháu có thể tranh luận với cha mẹ nhưng phải lễ độ, từ tốn, phải biết lựa lời, chọn lúc, tuyệt đối không được có thái độ nóng nảy, cáu gắt, hỗn láo, nhất là khi có khách, khi ra đường, giữa công chúng, hoặc trước mặt vợ con, đừng để ông bà trên bàn thờ quở mắng bố mẹ cháu rằng không biết dạy con; đừng để vợ con cháu, em út cháu khinh nhờn bố mẹ cháu, tất nhiên cũng khinh nhờn cả cháu. Sau này cháu sẽ rõ: có nuôi con mới biết

lòng cha mẹ.

Từ nãy đến giờ nhà tôi chỉ ngồi nghe, bây giờ mới lên tiếng: “Nghe cha con, chú cháu nhà ông nói thì ai cũng có lý “!

Xin mượn câu đó làm câu kết cho bài này.

Điều 43 : Tục khao lão

Bây giờ đến bậc ăn dừng nhì,

Có rượu thì ông chống gậy ra.

(Nguyễn Khuyến)

Lên lão cũng phải khao. “Khao lão” không khó khăn như khao vị thứ đình trung. Lo đủ lệ là được, có mời thì mời phe giáp hay thôn xóm khắc đến, vì lên lão là quyền đương nhiên không phải cậu cạnh.

Những nhà giàu có thường nhân dịp bày tiệc mừng thọ tế lễ, ăn uống linh đình. Tế sống cha mẹ, có văn chúc thọ với ban tư văn hành lễ trợ tế. Cha mẹ ngồi phía trong, con trái, gái, dâu, rể, cháu chắt, phân thứ bậc trên dưới đứng hai bên, nam bên trái, nữ bên phải, làm lễ tế ba tuần rượu, có tấu nhạc trọng thể, vui vẻ. Tế sống cha mẹ mỗi lần hai lạy, khác tế thần, tế tổ mỗi lần bốn lạy. ở đất văn vật, bài văn tế chúc thọ thường là cả một công trình bút mực, có khi người trong vùng nô nức đến xem tế và nghe đọc văn.

Có đám mừng thọ mời bà con họ hàng làng tổng, tiệc tùng hát xướng hai ba bốn ngày.

“Phú quý sinh lễ nghĩa”, có nhiều nhà làm lễ mừng thọ cha mẹ lên lão 70,80,90 tuổi... Không phải tục lệ bắt buộc, giàu có bày ra thết đãi mời mọi người đến chia vui với mình, đồng thời làm vui lòng cha mẹ, tưởng cũng là một tục hay, có thể khiến cho những kẻ nhẹ tình hiếu thảo, không lo phụng dưỡng cha mẹ cho được tuổi thọ như người, phải lấy làm suy nghĩ và hổ thẹn.

Điều 44 : Yến lão

“Yến” là tiệc rượu. Nhiều làng có tục yến lão, hàng năm hay hai ba năm một lần, thiết tiệc mừng thọ các quan lão. Có thể nói đây là một thịnh điển thời thái bình, không phải là một hủ tục đã gây nên nhiều tệ đoan như tục ngôi thứ hương âm. “Sống lâu lên lão làng”, tự nhiên có vinh dự tuổi thọ, không phải tranh dành mới có, chẳng phải có tiền mà mua được, có quyền thế mà tạo nên được.

Mỗi năm cứ đến dịp làng mở hội hoặc ngày đại lễ có định kỳ, các quan lão tụ hội ở chùa hay nơi công quán hay một đường cai, làng đem cờ quạt với phường bát âm đến rước ra đình. Những làng trù phú thường sắm đủ vòng lọng rước lão, lão 100 tuổi đi vòng điều che bốn lọng xanh, lão 90 tuổi đi vòng điều hai lọng xanh, lão 80 tuổi vòng xanh (đòn cong) một lọng, lão 70 vòng xanh (đòn ống) một lọng. Trai tráng cầm cờ khiêng vòng đều nón dẫu áo nẹp. Đám rước rất trọng thể.

Tại đình làng, nơi giữa thiết lập bàn thờ tiên lão, các quan lão ngồi hai gian bên theo thứ bậc tuổi, có làng yến cả lão bà thì gian trái lão ông ngồi, gian bên phải lão bà ngồi.

Tuỳ theo lệ làng, có nơi lão 90 tuổi hoặc lớn hơn nữa ngồi một mình chiếu nhất, có nơi chưa đến 60 tuổi đã là bậc cao niên nhất, cũng ngồi một mình chiếu nhất.

Tế lão cũng đủ nghi thức như tế thần, ba tuần rượu với văn tế tiên lão, văn chúc thọ quan lão, có ban tư văn hành lễ, phường bát âm tấu nhạc.

Lúc tế, quan lão ngồi trước những mâm cỗ đặt giữa chiếu, chỉ uống rượu suông không ăn, là thủ ý trang nhã, trịnh trọng đối với dân làng, ngồi chứng kiến cuộc lễ diễn hành và chăm chú nghe văn tế, văn chúc thọ. Những mâm cỗ kia sẽ được mang đến từng nhà biếu các cụ.

Cỗ yến lão thường là rất thịnh hậu cả về phẩm lẫn lượng, có nơi mỗi cỗ hai bánh dày, hai bánh chưng với những món giò, nem và nhiều thứ bánh khác làm rất công phu.

Chiếu nhất, một cụ ngồi thì được biếu cả một cỗ gọi là cỗ một, chiếu nhì, hai cụ ngồi là cỗ đôi thì được biếu mỗi cụ một nửa cỗ, những cỗ dưới là đồng hạng cứ bốn cụ một cỗ.

Từ ngàn xưa, những khi có việc làng, không hề có bóng phụ nữ nơi đình trung. Ngày yến, sự hiện diện của các lão bà đem lại cho dân làng một cảm giác đặc biệt vui vẻ đầm ấm.

Mỹ tục yến lão là do đạo hiếu mà ra, một đặc tính dân tộc, có ý nghĩa rất trọng hậu, trẻ vui đạo trẻ, già vui tuổi già, trái ngược hẳn với cái thảm cảnh ở mấy nước văn minh cường thịnh cứ đến tuổi già là bị liệt vào hạng người vô dụng, ăn hại xã hội, con cháu ít chăm nom, người đời lạnh nhạt.

Lúc văn niên, tóc bạc da mồi, với cuộc sống buồn tẻ nơi thôn dã năm tháng trôi, các cụ hẳn cũng cảm thấy sung sướng đã được cả làng tỏ tình quý trọng, quý trọng rất mực trong cuộc rước đón những buổi yến ẩm, con cháu các cụ thì được hãnh diện là gia đình có phúc mới được tuổi thọ, cho nên nhiều nhà, dù nghèo cũng ráng may sắm cho ông bà đi dự yến.

Cụ thì mũ ni nhung đen, áo vóc đại hồng, cụ thì khăn nhiễu tam giang, giày văn hài, cụ

thì áo đoạn huyền quần lụa bạch, có những cụ nhà bần hàn, quanh năm quần nâu áo vải lúc này cũng quần chúc bầu, áo the thâm, áo lằng chéo go, dép mới thay quai... Y phục tùy hoàn cảnh mỗi nhà, không có lệ định nào, chỉ trừ màu vàng của nhà vua, quan dân đều không được mặc

Trước ngực, dưới vòng dây thao quàng cổ là túi gấm màu lam, màu huyền đựng trầu, thuốc, cối, chày...

Đám rước quan lão, y phục màu sắc như vậy với võng lọng cờ quạt, vừa gợi cảm. Những nhà tù mấy đời không hề có ông cha được dự, không khỏi bùi ngùi tiếc thương người đã khuất, không khỏi thêm muốn ước mong cho gia đình đời nay và đời sau.